

Số: *123* /BC-UBND

Đồng Nai, ngày *29* tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO

Tổng hợp kết quả lấy ý kiến cử tri, kết quả biểu quyết của Hội đồng nhân dân các cấp về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã và sắp xếp, sáp nhập tỉnh Bình Phước và tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 10/11/2022;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp;

Căn cứ Nghị định số 54/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018 của Chính phủ về hướng dẫn việc lấy ý kiến cử tri về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính; Nghị định số 66/2023/NĐ-CP ngày 24/8/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

Trên cơ sở báo cáo kết quả tổ chức lấy ý kiến cử tri của UBND cấp xã, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai tổng hợp báo cáo kết quả lấy ý kiến cử tri đối với Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã năm 2025 và Đề án sắp xếp, sáp nhập tỉnh Bình Phước và tỉnh Đồng Nai như sau:

I. Công tác lấy ý kiến cử tri

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quyết định số 2167-QĐ/TU ngày 17/3/2025 thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị trên địa bàn tỉnh (gọi tắt là Ban Chỉ đạo thực hiện Kết luận 127 tỉnh) và Quyết định số 2216-QĐ/TU ngày 18/4/2025 thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án sắp xếp sáp nhập tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Phước; thống nhất về phương án, Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã và Đề án sắp xếp sáp nhập tỉnh Bình Phước và tỉnh Đồng Nai.

Ban Chỉ đạo thực hiện Kết luận 127 tinh ban hành Quyết định số 01-QĐ/BCĐ thành lập các Tổ tham mưu của Ban Chỉ đạo thực hiện Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị trên địa bàn tỉnh.

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 116/KH-UBND ngày 27/3/2025 về triển khai thực hiện Kết luận số 127-KL/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về không tổ chức cấp huyện và sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản số 4646/UBND-KGVX ngày 22/4/2025 chỉ đạo các huyện, thành phố tổ chức lấy ý kiến cử tri và tổ chức kỳ họp Hội đồng nhân dân các cấp về chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, cấp tỉnh.

Các sở, ban, ngành tỉnh căn cứ vào Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh và hướng dẫn của bộ, ngành Trung ương, theo chức năng, nhiệm vụ ban hành hướng dẫn, cụ thể hóa sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã theo quy định. Ban Chỉ đạo tỉnh ban hành các văn bản triển khai, chỉ đạo và hướng dẫn các nội dung có liên quan trong quá trình thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính trên địa bàn, đồng thời báo cáo cấp có thẩm quyền kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ có liên quan.

Ban Chỉ đạo làm việc với các huyện, thành phố về tiến độ thực hiện xây dựng hồ sơ, Đề án; kịp thời chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương đẩy nhanh tiến độ thực hiện, đảm bảo kịp thời gian theo chỉ đạo của Bộ Nội vụ.

Sở Nội vụ ban hành văn bản 2166/SNV-TCBC ngày 21/4/2025 hướng dẫn tổ chức lấy ý kiến cử tri và tổ chức kỳ họp Hội đồng nhân dân các cấp về chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, cấp tỉnh.

2. Công tác tuyên truyền

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tập trung thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền để tạo sự đồng thuận của cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp, cấp tỉnh, cụ thể:

+ Tổ chức tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh cấp huyện, cấp xã, xe tuyên truyền lưu động, thực hiện tuyên truyền cổ động trực quan, băng rôn, áp phích, tin bài, ... Nội dung tuyên truyền: Sự cần thiết sắp xếp đơn vị hành chính; phương án sắp xếp đơn vị hành chính; đối tượng, phạm vi tác động của vấn đề lấy ý kiến; thời gian tổ chức lấy ý kiến; quyền và nghĩa vụ của cử tri trong việc lấy ý kiến.

+ Thực hiện đăng tải, chia sẻ tuyên truyền trên các nhóm Zalo, Fanpage của xã, phường, ấp, khu phố, các đoàn thể và tổ công nghệ số cộng đồng, tổ nhân dân để người dân biết. Thực hiện niêm yết dự thảo Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, cấp tỉnh tại trụ sở Ủy ban nhân dân của xã, phường, thị trấn, trụ sở ấp, khu phố và các địa điểm công cộng.

+ Thường xuyên nắm bắt, theo dõi các vấn đề dư luận, diễn biến tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên, Nhân dân trong quá trình triển khai sắp xếp, điều chỉnh

để kịp thời giải quyết dứt điểm, tránh để tạo ra điểm nóng trong quá trình sắp xếp sáp nhập.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của cấp huyện thực hiện tuyên truyền trong hệ thống tổ chức chính trị - xã hội từ huyện đến cơ sở nhằm tạo sự đồng thuận trong xã hội, của các ngành, các cấp, của cán bộ, công chức viên chức, người lao động và Nhân dân ở địa phương trong việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, cấp tỉnh;

- Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn triển khai thực hiện đầy đủ các văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và nhà văn hóa, điểm công cộng các ấp, khu phố và được tuyên truyền, phổ biến trên hệ thống truyền thanh của cấp huyện, cấp xã; phổ biến tại các cuộc họp ấp, khu phố trong thời gian tổ chức lấy ý kiến cử tri. Tờ rơi và pano tuyên truyền về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, cấp tỉnh được cung cấp.

3. Công tác chuẩn bị tổ chức lấy ý kiến cử tri

3.1. Lập danh sách cử tri, niêm yết danh sách cử tri

Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường lập danh sách cử tri, niêm yết danh sách cử tri đảm bảo theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 của Nghị định số 54/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018 của Chính phủ về hướng dẫn việc lấy ý kiến cử tri về thành lập, giải thể, nhập chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính và khoản 2 Điều 1 Nghị định số 66/2023/NĐ-CP ngày 24/8/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018 của Chính phủ về hướng dẫn việc lấy ý kiến cử tri về thành lập, giải thể, nhập chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính.

Danh sách cử tri được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và các điểm sinh hoạt cộng đồng.

3.2. Hình thức, nội dung, tổ chức lấy ý kiến cử tri

a) Hình thức lấy ý kiến cử tri:

- Việc lấy ý kiến cử tri được tổ chức theo ấp, khu phố của từng xã, phường, thị trấn.

- Hình thức lấy ý kiến cử tri: Phát phiếu trực tiếp theo hộ gia đình.

b) Tài liệu phục vụ cho việc lấy ý kiến bao gồm:

- Dự thảo Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, cấp tỉnh;
- Bản tóm tắt đề án, bao gồm các nội dung: Phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, cấp tỉnh; danh mục các văn bản chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước.

3.3. Chuẩn bị và thành lập các Tổ phát phiếu lấy ý kiến cử tri

a) Công tác chuẩn bị lấy ý kiến

- Rà soát, bổ sung danh sách cử tri đến thời điểm phát phiếu lấy ý kiến.
- Ban hành Kế hoạch, văn bản chỉ đạo, thành lập các Tổ phát phiếu lấy ý kiến cử tri, hướng dẫn các ấp, khu phố triển khai việc lấy ý kiến cử tri.
- Tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho các thành viên của Tổ phát phiếu lấy ý kiến cử tri của ấp, khu phố và chuẩn bị đầy đủ tài liệu có liên quan phục vụ công tác lấy ý kiến cử tri.

b) Thành lập các Tổ phát phiếu lấy ý kiến cử tri.

- Trưởng ấp, Trưởng khu phố quyết định thành lập Tổ phát phiếu lấy ý kiến từ 03 đến 05 thành viên gồm: đại diện ấp, khu phố, Ban công tác Mặt trận ở ấp, khu phố, đại diện tổ chức chính trị - xã hội ở ấp, khu phố. Đại diện Ban Công tác Mặt trận ở ấp, khu phố là Tổ trưởng.

- Tùy theo tình hình thực tế số hộ mỗi ấp, khu phố để thành lập Tổ phát phiếu lấy ý kiến cử tri cho phù hợp và đáp ứng yêu cầu về tiến độ lấy phiếu đảm bảo thời gian quy định.

- Nhiệm vụ của Tổ lấy ý kiến cử tri: Nhận Phiếu lấy ý kiến cử tri do Ủy ban nhân dân xã cấp kèm theo danh sách cử tri; Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; phát phiếu trực tiếp hộ gia đình thực hiện nhiệm vụ phát phiếu, thu phiếu lấy ý kiến cử tri theo thời hạn đã được quy định trên phiếu; thực hiện việc kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu theo mẫu, tổng hợp, báo cáo kết quả lấy ý kiến cử tri trên địa bàn về Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn. Trong quá trình kiểm phiếu, Tổ phát phiếu mời đại diện 02 hộ gia đình chứng kiến việc kiểm phiếu.

4. Tổ chức lấy ý kiến cử tri

Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ dự thảo Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, cấp tỉnh được Ủy ban nhân dân tỉnh gửi đến, chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức việc lấy ý kiến cử tri trên địa bàn cấp huyện theo điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định số 54/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018 của Chính phủ.

Tiến hành phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ.

5. Kết quả lấy ý kiến cử tri

Tính đến ngày 25/4/2025, các đơn vị đã hoàn thiện việc tổ chức lấy ý kiến cử tri. Tổng hợp kết quả lấy ý kiến cử tri từ các huyện, thành phố như sau:

5.1. Đối với sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã

- Phương án thành lập xã Sông Ray trên cơ sở xã Sông Ray và xã Lâm San (huyện Cẩm Mỹ) có tỷ lệ cử tri đại diện hộ gia đình đồng ý cao nhất với 99,78%.

- Phương án thành lập xã An Phước trên cơ sở nhập xã An Phước và xã Tam An (huyện Long Thành có tỷ lệ cử tri đại diện hộ gia đình đồng ý thấp nhất với 83,37%.

5.2. Đối với sắp xếp, sáp nhập tỉnh Bình Phước và tỉnh Đồng Nai

a) Lấy ý kiến cử tri trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

- Có 13 xã, phường¹ có tỷ lệ cử tri đại diện hộ gia đình đồng ý đạt 100%.

- Xã Cẩm Đường (huyện Long Thành) có tỷ lệ cử tri đại diện hộ gia đình đồng ý thấp nhất với 76,81%.

b) Lấy ý kiến cử tri trên địa bàn tỉnh Bình Phước

- Có 08 xã, phường, thị trấn² có tỷ lệ cử tri đại diện hộ gia đình đồng ý đạt 100%.

- Xã Lộc An (huyện Bù Đốp) có tỷ lệ cử tri đại diện hộ gia đình đồng ý thấp nhất với 74,81%.

(Biểu phụ lục tổng hợp kèm theo)

6. Đánh giá công tác lấy ý kiến cử tri

Xác định việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã là nhiệm vụ chính trị quan trọng trong năm 2024. Thời gian qua, các cấp ủy Đảng, Chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị xã hội ở các địa phương thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính giai đoạn 2023 - 2025 đã triển khai đồng bộ, thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các Kết luận, Nghị quyết, Chỉ thị của cấp trên; đặc biệt là đã bám sát, nắm chắc và triển khai có hiệu quả Hướng dẫn lấy ý kiến cử tri về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 – 2025 của Sở Nội vụ và UBND huyện các huyện, thành phố.

Có được kết quả ý kiến đồng ý cao của cử tri là nhờ vào sự lãnh đạo trực tiếp của các cấp ủy Đảng, cùng với việc triển khai đồng bộ của chính quyền, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị trong công tác tuyên truyền vận động bằng nhiều hình thức làm cho mọi tầng lớp nhân dân và cử tri biết, hiểu, thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm; nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của việc sắp xếp đơn vị hành chính.

Tuy nhiên, còn một số cử tri chưa đồng ý với việc sắp xếp đơn vị hành chính với còn băn khoăn sẽ ảnh hưởng đến việc phải chuyển đổi các loại giấy tờ có liên quan dù đã được địa phương tuyên truyền sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho

¹ Phường Xuân Lập (thành phố Long Khánh), xã Long Tân (huyện Nhơn Trạch), xã Quang Trung (huyện Thống Nhất), xã Xuân Trường (huyện Xuân Lộc), xã Xuân Quế (huyện Cẩm Mỹ), xã Ngọc Định, xã Phú Ngọc, xã La Ngà (huyện Định Quán), xã Phú Lộc, xã Tà Lài, xã Nam Cát Tiên, xã Thanh Sơn, xã Đak Lua (huyện Tân Phú)

² Phường Phước Long (thị xã Phước Long), phường Thành Tâm (thị xã Chơn Thành), thị trấn Tân Phú (huyện Đồng Phú), xã An Phú, xã Minh Tâm (huyện Hớn Quản), xã Lộc Điền (huyện Lộc Ninh), xã Phú Văn (huyện Bù Gia Mập), xã Phước Tân (thành phố Đồng Xoài)

cá nhân, tổ chức khi thực hiện các thủ tục và không thu các loại phí, lệ phí theo quy định. Hiện nay, các xã, phường đã hoàn thành công tác lấy ý kiến cử tri nhưng vẫn tiếp tục tuyên truyền về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã liên quan đến các nội dung như tên gọi, trụ sở làm việc của đơn vị hành chính mới; chuyển đổi các loại giấy tờ, chế độ chính sách,...

II. Tổng hợp kết quả biểu quyết của Hội đồng nhân dân các cấp

Tính đến ngày 26/4/2025, các đơn vị đã hoàn thiện việc tổ chức họp Hội đồng nhân dân cấp xã, cấp huyện. Tổng hợp kết quả biểu quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, cấp huyện như sau:

1. Đối với sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã

a) Hội đồng nhân dân cấp xã

- Có 48/50 phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã được đại biểu tham dự biểu quyết tán thành đạt tỷ lệ 100%.

- Phương án thành lập phường Long Hưng trên cơ sở nhập phường An Hòa, phường Long Bình Tân và xã Long Hưng (thành phố Biên Hòa) có tỷ lệ đại biểu tham dự biểu quyết tán thành đạt tỷ lệ 89,66%.

- Phương án thành lập xã Xuân Đường trên cơ sở nhập xã Thừa Đức, xã Xuân Đường (huyện Cẩm Mỹ) và xã Cẩm Đường (huyện Long Thành) có tỷ lệ đại biểu tham dự biểu quyết tán thành đạt tỷ lệ 98,15%.

b) Hội đồng nhân dân cấp huyện

Tỷ lệ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện tham dự họp biểu quyết tán thành đạt 100%.

c) Hội đồng nhân dân tỉnh

Tỷ lệ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tham dự họp biểu quyết tán thành đạt 100%.

2. Đối với sắp xếp, sáp nhập tỉnh Bình Phước và tỉnh Đồng Nai

a) Hội đồng nhân dân cấp xã

Đại biểu Hội đồng nhân dân của 156/159 xã, phường, thị trấn tham dự họp biểu quyết tán thành đạt 100% và đại biểu Hội đồng nhân dân của 03 phường, xã: phường An Hòa (thành phố Biên Hòa) tham dự họp biểu quyết tán thành đạt 66,67%; xã Xuân Đường (huyện Cẩm Mỹ) tham dự họp biểu quyết tán thành đạt 94,12%; xã Xuân Đông (huyện Cẩm Mỹ) tham dự họp biểu quyết tán thành đạt 88,89%.

b) Hội đồng nhân dân cấp huyện

Tỷ lệ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện tham dự họp biểu quyết tán thành đạt 100%.

c) Hội đồng nhân dân tỉnh

Tỷ lệ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tham dự họp biểu quyết tán thành đạt 100%.

(Có biểu phụ lục tổng hợp kết quả lấy ý kiến cử tri, kết quả biểu quyết của Hội đồng nhân dân các cấp kèm theo)

Trên đây là báo cáo tổng hợp kết quả lấy ý kiến cử tri về chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, sắp xếp, sáp nhập tỉnh Bình Phước và tỉnh Đồng Nai, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai tổng hợp báo cáo. /

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT. KGVX.

E/Hải-VX/4.2025



CHỦ TỊCH

Võ Tấn Đức



TỔNG HỢP KẾT QUẢ LẤY Ý KIẾN CỬ TRI
VỀ SẮP XẾP, SẮP NHẬP TỈNH BÌNH PHƯỚC VÀ TỈNH ĐỒNG NAI
(Kèm theo Báo cáo số 123/BC-UBND ngày 29/4/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai)

STT	ĐVHC cấp xã	Tổng số hộ gia đình	Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình			
			Tổng số	Số tham gia lấy ý kiến	Tỷ lệ%	Số đồng ý	Tỷ lệ%	Số không đồng ý	Tỷ lệ%
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)=3/2	5	(6)=5/2	7	(8)=7/2
	Tỉnh Đồng Nai	774.704	773.046	754.272	97,57%	741.620	95,93%	11.166	1,44%
I	Thành phố Biên Hòa	214.770	214.691	207.728	96,76%	204.505	95,26%	2.935	1,37%
1	Phường An Bình	7.182	7.136	7.136	100,00%	7.098	99,47%	38	0,53%
2	Phường An Hòa	5.234	5.234	4.641	88,67%	4.546	86,86%	95	1,82%
3	Phường Bình Đa	6.987	6.987	6.945	99,40%	6.925	99,11%	20	0,29%
4	Phường Bửu Hòa	6.862	6.862	6.408	93,38%	6.348	92,51%	60	0,87%
5	Phường Bửu Long	6.254	6.254	5.557	88,86%	5.440	86,98%	104	1,66%
6	Phường Hố Nai	10.387	10.387	10.258	98,76%	10.114	97,37%	112	1,08%
7	Phường Hóa An	6.813	6.813	5.499	80,71%	5.454	80,05%	22	0,32%
8	Phường Long Bình	17.235	17.202	17.158	99,74%	16.988	98,76%	168	0,98%
9	Phường Long Bình Tân	8.704	8.704	8.519	97,87%	8.407	96,59%	112	1,29%
10	Xã Long Hưng	1.797	1.797	1.797	100,00%	1.765	98,22%	32	1,78%
11	Phường Hiệp Hòa	3.822	3.822	3.783	98,98%	3.775	98,77%	10	0,26%
12	Phường Phước Tân	14.657	14.657	14.477	98,77%	14.406	98,29%	78	0,53%
13	Phường Quang Vinh	5.740	5.740	5.724	99,72%	5.719	99,63%	5	0,09%
14	Phường Tam Hiệp	6.191	6.191	6.161	99,52%	5.999	96,90%	162	2,62%
15	Phường Tam Phước	13.907	13.907	13.783	99,11%	13.698	98,50%	85	0,61%
16	Phường Tân Biên	9.952	9.952	9.952	100,00%	9.845	98,92%	107	1,08%

STT	ĐVHC cấp xã	Tổng số hộ gia đình	Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình			
			Tổng số	Số tham gia lấy ý kiến	Tỷ lệ%	Số đồng ý	Tỷ lệ%	Số không đồng ý	Tỷ lệ%
17	Phường Tân Hạnh	2.125	2.125	2.125	100,00%	2.108	99,20%	17	0,80%
18	Phường Tân Hiệp	4.792	4.792	4.719	98,48%	4.652	97,08%	67	1,40%
19	Phường Tân Hòa	9.217	9.217	9.169	99,48%	9.134	99,10%	35	0,38%
20	Phường Tân Mai	8.627	8.627	8.467	98,15%	8.238	95,49%	132	1,53%
21	Phường Tân Phong	10.127	10.127	10.029	99,03%	9.478	93,59%	551	5,44%
22	Phường Tân Vạn	3.906	3.906	3.612	92,47%	3.420	87,56%	192	4,92%
23	Phường Thống Nhất	6.876	6.876	6.705	97,51%	6.561	95,42%	144	2,09%
24	Phường Trảng Dài	29.933	29.933	27.788	92,83%	27.200	90,87%	481	1,61%
25	Phường Trung Dũng	7.443	7.443	7.316	98,29%	7.187	96,56%	106	1,42%
II	TP. Long Khánh	39.999	39.999	39.091	97,73%	38.884	97,21%	198	0,50%
1	Phường Xuân An	9.058	9.058	9.058	100,00%	8.996	99,32%	62	0,68%
2	Xã Hàng Gòn	3.310	3.310	3.040	91,84%	3.040	91,84%	0	0,00%
3	Phường Xuân Bình	1.653	1.653	1.653	100,00%	1.644	99,46%	9	0,54%
4	Phường Bảo Vinh	4.883	4.883	4.584	93,88%	4.584	93,88%	0	0,00%
5	Phường Bàu Sen	1.814	1.814	1.643	90,57%	1.643	90,57%	0	0,00%
6	Xã Bào Quang	3.232	3.232	3.232	100,00%	3.221	99,66%	11	0,34%
7	Xã Bàu Trâm	2.364	2.364	2.364	100,00%	2.338	98,90%	26	1,10%
8	Phường Xuân Lập	2.151	2.151	2.151	100,00%	2.151	100,00%	0	0,00%
9	Phường Phú Bình	1.380	1.380	1.368	99,13%	1.368	99,13%	0	0,00%
10	Xã Bình Lộc	2.508	2.508	2.508	100,00%	2.507	99,96%	1	0,04%
11	Phường Suối Tre	3.263	3.263	3.263	100,00%	3.197	97,98%	66	2,02%
12	Phường Xuân Hoà	1.747	1.747	1.591	91,07%	1.585	90,73%	6	0,34%

STT	ĐVHC cấp xã	Tổng số hộ gia đình	Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình			
			Tổng số	Số tham gia lấy ý kiến	Tỷ lệ%	Số đồng ý	Tỷ lệ%	Số không đồng ý	Tỷ lệ%
13	Phường Xuân Tân	2.636	2.636	2.636	100,00%	2.610	99,01%	26	0,99%
III	Huyện Long Thành	60.480	60.480	56.855	94,01%	55.752	92,18%	1.095	1,81%
1	Thị trấn Long Thành	7.719	7.719	7.719	100,00%	7.651	99,12%	68	0,88%
2	Xã An Phước	7.326	7.326	5.394	73,63%	5.314	72,54%	80	1,09%
3	Xã Tam An	5.659	5.659	5.598	98,92%	5.553	98,13%	45	0,80%
4	Xã Long Đức	2.855	2.855	2.825	98,95%	2.823	98,88%	2	0,07%
5	Xã Bình An	2.054	2.054	2.054	100,00%	2.020	98,34%	34	1,66%
6	Xã Lộc An	3.143	3.143	3.143	100,00%	3.116	99,14%	27	0,86%
7	Xã Long An	5.754	5.754	5.388	93,64%	5.312	92,32%	76	1,32%
8	Xã Bình Sơn	2.999	2.999	2.999	100,00%	2.969	99,00%	30	1,00%
9	Xã Long Phước	5.923	5.923	5.923	100,00%	5.785	97,67%	138	2,33%
10	Xã Bàu Cạn	3.689	3.689	3.689	100,00%	3.577	96,96%	112	3,04%
11	Xã Phước Thái	5.253	5.253	4.111	78,26%	4.111	78,26%	0	0,00%
12	Xã Phước Bình	3.110	3.110	3.110	100,00%	3.095	99,52%	15	0,48%
13	Xã Tân Hiệp	2.969	2.969	2.969	100,00%	2.869	96,63%	100	3,37%
14	Xã Cẩm Đường	2.027	2.027	1.933	95,36%	1.557	76,81%	368	18,15%
IV	Huyện Nhơn Trạch	68.971	68.971	68.079	98,71%	64.357	93,31%	3.722	5,40%
1	TT. Hiệp Phước	8.954	8.954	8.842	98,75%	7.992	89,26%	850	9,49%
2	Xã Phước Thiện	10.929	10.929	10.820	99,00%	10.546	96,50%	242	2,21%
3	Xã Phú Hội	6.534	6.534	6.534	100,00%	6.421	98,27%	113	1,73%
4	Xã Long Tân	3.008	3.008	3.008	100,00%	3.008	100,00%	0	0,00%
5	Xã Phú Thạnh	3.758	3.758	3.274	87,12%	3.151	83,85%	123	3,27%

STT	ĐVHC cấp xã	Tổng số hộ gia đình	Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình			
			Tổng số	Số tham gia lấy ý kiến	Tỷ lệ%	Số đồng ý	Tỷ lệ%	Số không đồng ý	Tỷ lệ%
6	Xã Phú Đông	3.968	3.968	3.968	100,00%	3.936	99,19%	32	0,81%
7	Xã Đại Phước	3.075	3.075	3.075	100,00%	3.057	99,41%	18	0,59%
8	Xã Phú Hữu	3.949	3.949	3.907	98,94%	3.860	97,75%	47	1,19%
9	Xã Phước Khánh	3.831	3.831	3.831	100,00%	3.829	99,95%	2	0,05%
10	Xã Vĩnh Thanh	6.736	6.736	6.591	97,85%	5.905	87,66%	686	10,18%
11	Xã Phước An	4.136	4.136	4.136	100,00%	4.066	98,31%	70	1,69%
12	Xã Long Thọ	10.093	10.093	10.093	100,00%	9.997	99,05%	96	0,95%
V	Huyện Trảng Bom	62.172	61.510	57.548	93,56%	57.253	93,08%	247	0,40%
1	Xã Hồ Nai 3	8.374	8.374	7.767	92,75%	7.716	92,14%	42	0,50%
2	Xã Bắc Sơn	12.944	12.944	12.831	99,13%	12.793	98,83%	38	0,29%
3	Xã Bình Minh	4.892	4.892	4.669	95,44%	4.625	94,54%	44	0,90%
4	Xã Quảng Tiến	3.707	3.543	3.543	100,00%	3.481	98,25%	62	1,75%
5	Xã Giang Điền	1.790	1.790	1.380	77,09%	1.379	77,04%	1	0,06%
6	Xã Sông Trầu	6.691	6.691	6.534	97,65%	6.534	97,65%	0	0,00%
7	Thị trấn Trảng Bom	4.644	4.644	4.449	95,80%	4.439	95,59%	10	0,22%
8	Xã Tây Hoà	3.742	3.742	3.225	86,18%	3.213	85,86%	12	0,32%
9	Xã Trung Hoà	3.101	3.101	2.570	82,88%	2.561	82,59%	9	0,29%
10	Xã Đông Hoà	2.797	2.299	2.299	100,00%	2.294	99,78%	5	0,22%
11	Xã Hưng Thịnh	2.117	2.117	1.852	87,48%	1.837	86,77%	15	0,71%
12	Xã Thanh Bình	3.135	3.135	2.673	85,26%	2.621	83,60%	4	0,13%
13	Xã Cây Gáo	2.957	2.957	2.586	87,45%	2.578	87,18%	8	0,27%
14	Xã Sông Thao	2.993	2.993	2.715	90,71%	2.700	90,21%	15	0,50%

STT	ĐVHC cấp xã	Tổng số hộ gia đình	Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình			
			Tổng số	Số tham gia lấy ý kiến	Tỷ lệ%	Số đồng ý	Tỷ lệ%	Số không đồng ý	Tỷ lệ%
15	Xã Bàu Hàm	1.712	1.712	1.484	86,68%	1.483	86,62%	1	0,06%
16	Xã An Viễn	2.340	2.340	2.146	91,71%	2.139	91,41%	7	0,30%
17	Xã Đồi 61	2.610	2.610	2.592	99,31%	2.576	98,70%	16	0,61%
VI	Huyện Thống Nhất	42.623	42.623	42.210	99,03%	41.430	97,20%	721	1,69%
1	Xã Hưng Lộc	3.868	3.868	3.817	98,68%	3.792	98,04%	25	0,65%
2	Xã Bàu Hàm 2	2.395	2.395	2.296	95,87%	2.292	95,70%	4	0,17%
3	Xã Lộ 25	3.047	3.047	3.047	100,00%	3.035	99,61%	12	0,39%
4	TT Dầu Giây	4.836	4.836	4.759	98,41%	4.750	98,22%	9	0,19%
5	Xã Xuân Thiện	2.955	2.955	2.955	100,00%	2.859	96,75%	37	1,25%
6	Xã Quang Trung	4.993	4.993	4.993	100,00%	4.993	100,00%	0	0,00%
7	Xã Gia Kiệm	6.850	6.850	6.850	100,00%	6.547	95,58%	303	4,42%
8	Xã Gia Tân 1	4.090	4.090	3.904	95,45%	3.887	95,04%	17	0,42%
9	Xã Gia Tân 2	3.951	3.951	3.951	100,00%	3.878	98,15%	73	1,85%
10	Xã Gia Tân 3	5.638	5.638	5.638	100,00%	5.397	95,73%	241	4,27%
VII	Huyện Xuân Lộc	58.678	58.568	57.237	97,73%	56.672	96,76%	577	0,99%
1	Xuân Định	2.187	2.077	1.887	90,85%	1.887	90,85%	0	0,00%
2	Bảo Hòa	3.141	3.141	2.771	88,22%	2.754	87,68%	19	0,60%
3	Xuân Phú	4.274	4.274	4.153	97,17%	4.153	97,17%	0	0,00%
4	Lang Minh	1.893	1.893	1.893	100,00%	1.884	99,52%	9	0,48%
5	Suối Cát	3.456	3.456	3.354	97,05%	3.313	95,86%	41	1,19%
6	Xuân Hiệp	4.059	4.059	4.026	99,19%	4.026	99,19%	0	0,00%
7	Xuân Trường	4.686	4.686	4.686	100,00%	4.686	100,00%	0	0,00%

STT	ĐVHC cấp xã	Tổng số hộ gia đình	Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình			
			Tổng số	Số tham gia lấy ý kiến	Tỷ lệ%	Số đồng ý	Tỷ lệ%	Số không đồng ý	Tỷ lệ%
8	Xuân Thọ	5.001	5.001	4.844	96,86%	4.743	94,84%	114	2,28%
9	Gia Ray	4.573	4.573	4.504	98,49%	4.478	97,92%	26	0,57%
10	Xuân Hòa	3.321	3.321	3.256	98,04%	3.256	98,04%	0	0,00%
11	Xuân Hưng	6.422	6.422	6.326	98,51%	6.013	93,63%	313	4,87%
12	Xuân Tâm	6.267	6.267	6.267	100,00%	6.250	99,73%	15	0,24%
13	Xuân Thành	2.496	2.496	2.459	98,52%	2.426	97,20%	33	1,32%
14	Suối Cao	2.281	2.281	2.190	96,01%	2.186	95,84%	4	0,18%
15	Xuân Bắc	4.621	4.621	4.621	100,00%	4.617	99,91%	3	0,06%
VIII	Huyện Cẩm Mỹ	31.896	31.896	31.726	99,47%	31.426	98,53%	300	0,94%
1	Thị trấn Long Giao	1.712	1.712	1.712	100,00%	1.707	99,71%	5	0,29%
2	Xã Nhân Nghĩa	1.543	1.543	1.543	100,00%	1.532	99,29%	11	0,71%
3	Xã Bảo Bình	2.842	2.842	2.842	100,00%	2.824	99,37%	18	0,63%
4	Xã Xuân Mỹ	2.858	2.858	2.858	100,00%	2.852	99,79%	6	0,21%
5	Xã Xuân Quế	2.183	2.183	2.183	100,00%	2.183	100,00%	0	0,00%
6	Xã Sông Nhạn	2.131	2.131	2.131	100,00%	2.120	99,48%	11	0,52%
7	Xã Thừa Đức	1.993	1.993	1.993	100,00%	1.939	97,29%	54	2,71%
8	Xã Xuân Đường	1.679	1.679	1.679	100,00%	1.676	99,82%	3	0,18%
9	Xã Lâm San	2.089	2.089	2.089	100,00%	2.086	99,86%	3	0,14%
10	Xã Sông Ray	3.721	3.721	3.721	100,00%	3.683	98,98%	38	1,02%
11	Xã Xuân Đông	4.545	4.545	4.528	99,63%	4.403	96,88%	125	2,75%
12	Xã Xuân Tây	4.600	4.600	4.447	96,67%	4.421	96,11%	26	0,57%

STT	ĐVHC cấp xã	Tổng số hộ gia đình	Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình			
			Tổng số	Số tham gia lấy ý kiến	Tỷ lệ%	Số đồng ý	Tỷ lệ%	Số không đồng ý	Tỷ lệ%
IX	Huyện Định Quán	49.702	49.702	49.213	99,02%	49.014	98,62%	199	0,40%
1	Xã Phú Hòa	1.641	1.641	1.639	99,88%	1.638	99,82%	1	0,06%
2	Xã Phú Tân	2.458	2.458	2.348	95,52%	2.279	92,72%	69	2,81%
3	Xã Phú Vinh	2.879	2.879	2.871	99,72%	2.866	99,55%	5	0,17%
4	Xã Phú Lợi	2.485	2.485	2.485	100,00%	2.457	98,87%	28	1,13%
5	Xã Gia Canh	5.173	5.173	4.901	94,74%	4.892	94,57%	9	0,17%
6	Thị trấn Định Quán	4.935	4.935	4.935	100,00%	4.929	99,88%	6	0,12%
7	Xã Ngọc Định	2.091	2.091	2.091	100,00%	2.091	100,00%	0	0,00%
8	Xã Thanh Sơn	6.301	6.301	6.236	98,97%	6.233	98,92%	3	0,05%
9	Xã Phú Ngọc	4.532	4.532	4.532	100,00%	4.532	100,00%	0	0,00%
10	Xã La Ngà	3.412	3.412	3.412	100,00%	3.412	100,00%	0	0,00%
11	Xã Suối Nho	4.047	4.047	4.047	100,00%	4.022	99,38%	25	0,62%
12	Xã Phú Túc	3.274	3.274	3.242	99,02%	3.235	98,81%	7	0,21%
13	Xã Túc Trung	3.065	3.065	3.065	100,00%	3.063	99,93%	2	0,07%
14	Xã Phú Cường	3.409	3.409	3.409	100,00%	3.365	98,71%	44	1,29%
X	Huyện Tân Phú	111.076	110.538	110.517	99,98%	108.979	98,59%	814	0,74%
1	Xã Phú Lộc	2.458	2.458	2.458	100,00%	2.458	100,00%	0	0,00%
2	Thị trấn Tân Phú	4.508	4.508	4.507	99,98%	4.496	99,73%	11	0,24%
3	Xã Trà Cỏ	1.941	1.941	1.941	100,00%	1.936	99,74%	5	0,26%
4	Xã Phú Thanh	3.505	3.505	3.505	100,00%	3.502	99,91%	3	0,09%
5	Xã Phú Xuân	3.148	3.148	3.148	100,00%	3.147	99,97%	1	0,03%
6	Xã Phú Thịnh	2.552	2.552	2.547	99,80%	2.542	99,61%	5	0,20%

STT	ĐVHC cấp xã	Tổng số hộ gia đình	Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình			
			Tổng số	Số tham gia lấy ý kiến	Tỷ lệ%	Số đồng ý	Tỷ lệ%	Số không đồng ý	Tỷ lệ%
7	Xã Phú Lập	2.638	2.638	2.623	99,43%	2.622	99,39%	1	0,04%
8	Xã Tài Lại	2.102	2.102	2.102	100,00%	2.102	100,00%	0	0,00%
9	Xã Phú An	1.217	1.217	1.217	100,00%	1.214	99,75%	3	0,25%
10	Xã Nam Cát Tiên	2.088	2.088	2.088	100,00%	2.088	100,00%	0	0,00%
11	Xã Phú Sơn	4.549	4.549	4.549	100,00%	4.493	98,77%	56	1,23%
12	Xã Phú Bình	3.011	3.011	3.011	100,00%	3.004	99,77%	7	0,23%
13	Xã Thanh Sơn	1.728	1.728	1.728	100,00%	1.728	100,00%	0	0,00%
14	Xã Phú Lâm	3.297	3.297	3.297	100,00%	3.292	99,85%	5	0,15%
15	Xã Phú Điền	1.895	1.895	1.895	100,00%	1.894	99,95%	1	0,05%
16	Xã Đak Lua	1.765	1.765	1.765	100,00%	1.765	100,00%	0	0,00%
XI	Huyện Vĩnh Cửu	34.337	34.068	34.068	100,00%	33.348	97,89%	358	1,05%
1	Xã Tân Bình	4.227	4.227	4.227	100,00%	4.206	99,50%	11	0,26%
2	Xã Bình Lợi	1.992	1.992	1.992	100,00%	1.980	99,40%	12	0,60%
3	Xã Thạnh Phú	4.728	4.698	4.698	100,00%	4.618	98,30%	74	1,58%
4	Xã Thiện Tân	1.291	1.291	1.291	100,00%	1.278	98,99%	13	1,01%
5	Xã Tân An	2.673	2.673	2.673	100,00%	2.660	99,51%	13	0,49%
6	Xã Trị An	2.439	2.439	2.439	100,00%	2.428	99,55%	3	0,12%
7	Xã Mã Đà	1.376	1.376	1.376	100,00%	1.369	99,49%	7	0,51%
8	Xã Phú Lý	3.157	3.157	3.157	100,00%	3.156	99,97%	1	0,03%
9	Xã Vĩnh Tân	5.778	5.539	5.539	100,00%	5.009	90,43%	192	3,47%
10	Thị trấn Vĩnh An	6.676	6.676	6.676	100,00%	6.644	99,52%	32	0,48%



**TỔNG HỢP KẾT QUẢ LẤY Ý KIẾN CỬ TRI
VỀ SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI**
(Kèm theo Báo cáo số 123/BC-UBND ngày 29/4/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai)

STT	ĐVHC cấp xã	Tổng số hộ gia đình	Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình			
			Tổng số	Số tham gia lấy ý kiến	Tỷ lệ%	Số đồng ý	Tỷ lệ%	Số không đồng ý	Tỷ lệ%
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)=3/2	5	(6)=5/2	7	(8)=7/2
	Tỉnh Đồng Nai	671.667	665.513	646.008	97,07%	631.094	94,83%	14.168	2,13%
I	Thành phố Biên Hòa	185.744	185.672	178.354	96,06%	173.844	93,63%	4.223	2,27%
1	Thành lập phường Biên Hòa trên cơ sở nhập phường Tân Hạnh, phường Hóa An, phường Bửu Hòa và phường Tân Vạn								
1.1	Phường Tân Hạnh	2.125	2.125	2.125	100,00%	2.115	99,53%	10	0,47%
1.2	Phường Hóa An	6.813	6.813	5.499	80,71%	5.468	80,26%	5	0,07%
1.3	Phường Bửu Hòa	6.862	6.862	6.408	93,38%	6.348	92,51%	60	0,87%
1.4	Phường Tân Vạn	3.906	3.906	3.612	92,47%	3.445	88,20%	167	4,28%
	Tổng	19.706	19.706	17.644	89,54%	17.376	88,18%	242	1,23%
2	Thành lập phường Trảng Dài trên cơ sở nhập phường Bửu Long, phường Quang Vinh, phường Trung Dũng, phường Thống Nhất, phường Hiệp Hòa và phường An Bình								
2.1	Phường Bửu Long	6.254	6.254	5.557	88,86%	5.410	86,50%	144	2,30%
2.2	Phường Quang Vinh	5.740	5.740	5.724	99,72%	5.699	99,29%	25	0,44%
2.3	Phường Trung Dũng	7.443	7.443	7.316	98,29%	7.128	95,77%	166	2,23%
2.4	Phường Thống Nhất	6.876	6.876	6.705	97,51%	6.561	95,42%	144	2,09%
2.5	Phường Hiệp Hòa	3.822	3.822	3.783	98,98%	3.775	98,77%	10	0,26%
2.6	Phường An Bình	7.182	7.143	7.143	100,00%	7.060	98,84%	76	1,06%
	Tổng	37.317	37.278	36.228	97,18%	35.633	95,59%	565	1,52%
3	Thành lập phường Trảng Dài trên cơ sở nhập phường Trảng Dài (thành phố Biên Hòa) và xã Thiện Tân (huyện Vĩnh Cửu)								
3.1	Phường Trảng Dài	29.933	29.933	27.788	92,83%	27.258	91,06%	448	3,26%
3.2	Xã Thiện Tân	1.291	1.291	1.141	88,38%	1.135	87,92%	6	0,46%
	Tổng	31.224	31.224	28.929	92,65%	28.393	90,93%	454	1,45%
4	Thành lập phường Hố Nai trên cơ sở nhập phường Tân Hòa (thành phố Biên Hòa) và xã Hố Nai 3 (huyện Trảng Bom)								
4.1	Phường Tân Hòa	9.217	9.217	9.169	99,48%	9.125	99,00%	44	0,48%
4.2	Xã Hố Nai 3	8.374	8.374	7.767	92,75%	7.666	91,55%	92	1,10%
	Tổng	17.591	17.591	16.936	96,28%	16.791	95,45%	136	0,77%

STT	ĐVHC cấp xã	Tổng số hộ gia đình	Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình			
			Tổng số	Số tham gia lấy ý kiến	Tỷ lệ%	Số đồng ý	Tỷ lệ%	Số không đồng ý	Tỷ lệ%
5	Thành lập phường Tam Hiệp trên cơ sở nhập phường Tân Hiệp, phường Tam Hiệp, phường Tân Mai và phường Bình Đa								
5.1	Phường Tân Hiệp	4.792	4.792	4.719	98,48%	4.615	96,31%	104	2,17%
5.2	Phường Tam Hiệp	6.191	6.191	6.161	99,52%	6.053	97,77%	108	1,74%
5.3	Phường Tân Mai	8.627	8.627	8.467	98,15%	8.142	94,38%	218	2,53%
5.4	Phường Bình Đa	6.987	6.987	6.945	99,40%	6.891	98,63%	54	0,77%
	Tổng	26.597	26.597	26.292	98,85%	25.701	96,63%	484	1,82%
6	Thành lập phường Long Bình trên cơ sở nhập phường Long Bình, phường Hồ Nai và phường Tân Biên								
6.1	Phường Long Bình	17.235	17.202	17.158	99,74%	16.980	98,71%	177	1,03%
6.2	Phường Hồ Nai	10.387	10.387	10.258	98,76%	10.034	96,60%	192	1,85%
6.3	Phường Tân Biên	9.952	9.952	9.952	100,00%	9.097	91,41%	855	8,59%
	Tổng	37.574	37.541	37.368	99,54%	36.111	96,19%	1.224	3,26%
7	Thành lập phường Long Hưng trên cơ sở nhập phường An Hòa, phường Long Bình Tân và xã Long Hưng								
7.1	Phường An Hòa	5.234	5.234	4.641	88,67%	3.781	72,24%	860	16,43%
7.2	Phường Long Bình Tân	8.704	8.704	8.519	97,87%	8.288	95,22%	231	2,65%
7.3	Xã Long Hưng	1.797	1.797	1.797	100,00%	1.770	98,50%	27	1,50%
	Tổng	15.735	15.735	14.957	95,06%	13.839	87,95%	1.118	7,11%
II	Thành phố Long Khánh	42.954	42.954	41.962	97,69%	41.548	96,73%	354	0,82%
1	Thành lập phường Bình Lộc trên cơ sở nhập phường Suối Tre, xã Bình Lộc và xã Xuân Thiện (huyện Thống Nhất)								
1.1	Xã Xuân Thiện	2.955	2.955	2.896	98,00%	2.810	95,09%	86	2,91%
1.2	Xã Bình Lộc	2.508	2.508	2.508	100,00%	2.506	99,92%	3	0,12%
1.3	Phường Suối Tre	3.263	3.263	3.263	100,00%	3.197	97,98%	66	2,02%
	Tổng	8.726	8.726	8.667	99,32%	8.513	97,56%	155	1,78%
2	Thành lập phường Long Khánh trên cơ sở nhập phường Xuân An, Xuân Hoà, Xuân Bình, Phú Bình và xã Bàu Trâm								
2.1	Phường Xuân An	9.058	9.058	9.058	100,00%	9.003	99,39%	55	0,61%
2.2	Phường Xuân Bình	1.653	1.653	1.653	100,00%	1.622	98,12%	31	1,88%
2.3	Xã Bàu Trâm	2.364	2.364	2.364	100,00%	2.330	98,56%	34	1,44%
2.4	Phường Phú Bình	1.380	1.380	1.368	99,13%	1.368	99,13%	0	0,00%
2.5	Phường Xuân Hoà	1.747	1.747	1.591	91,07%	1.587	90,84%	4	0,23%
	Tổng	16.202	16.202	16.034	98,96%	15.910	98,20%	38	0,23%

STT	ĐVHC cấp xã	Tổng số hộ gia đình	Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình			
			Tổng số	Số tham gia lấy ý kiến	Tỷ lệ%	Số đồng ý	Tỷ lệ%	Số không đồng ý	Tỷ lệ%
3	Thành lập phường Bảo Vinh trên cơ sở nhập phường Bảo Vinh và xã Bảo Quang								
3.1	Phường Bảo Vinh	4.883	4.883	4.559	93,36%	4.559	93,36%	25	0,51%
3.2	Xã Bảo Quang	3.232	3.232	3.232	100,00%	3.218	99,57%	14	0,43%
	Tổng	8.115	8.115	7.791	96,01%	7.777	95,83%	39	0,48%
4	Thành lập phường Hàng Gòn trên cơ sở nhập phường Xuân Tân và xã Hàng Gòn								
4.1	Xã Hàng Gòn	3.310	3.310	3.040	91,84%	3.040	91,84%	0	0,00%
4.2	Phường Xuân Tân	2.636	2.636	2.636	100,00%	2.529	95,94%	107	4,06%
	Tổng	5.946	5.946	5.676	95,46%	5.569	93,66%	107	1,80%
5	Thành lập phường Xuân Lập trên cơ sở nhập phường Xuân Lập và Bàu Sen								
5.1	Phường Bàu Sen	1.814	1.814	1.643	90,57%	1.643	90,57%	0	0,00%
5.2	Phường Xuân Lập	2.151	2.151	2.151	100,00%	2.136	99,30%	15	0,70%
	Tổng	3.965	3.965	3.794	95,69%	3.779	95,31%	15	0,38%
III	Huyện Long Thành	63.719	58.453	54.922	93,96%	53.882	92,18%	1.040	1,78%
1	Thành lập xã An Phước trên cơ sở nhập xã An Phước và xã Tam An								
1.1	Xã An Phước	7.326	7.326	5.394	73,63%	5.328	72,73%	66	0,90%
1.2	Xã Tam An	5.659	5.659	5.598	98,92%	5.497	97,14%	101	1,78%
	Tổng	12.985	12.985	10.992	84,65%	10.825	83,37%	167	1,29%
2	Sáp nhập xã Bình Sơn, xã Long An, xã Lộc An và thị trấn Long Thành, lấy tên xã Long Thành, trụ sở đặt tại UBND huyện Long Thành								
2.1	Thị trấn Long Thành	12.985	7.719	7.719	100,00%	7.680	99,49%	39	0,51%
2.2	Xã Lộc An	3.143	3.143	3.143	100,00%	3.122	99,33%	21	0,67%
2.3	Xã Long An	5.754	5.754	5.388	93,64%	5.320	92,46%	68	1,18%
2.4	Xã Bình Sơn	2.999	2.999	2.999	100,00%	2.976	99,23%	23	0,77%
	Tổng	24.881	19.615	19.249	98,13%	19.098	97,36%	151	0,77%
3	Sáp nhập xã Long Đức và xã Bình An thành xã mới lấy tên là xã Bình An trụ sở đặt tại UBND xã Long Đức								
3.1	Xã Bình An	2.054	2.054	2.054	100,00%	2.037	99,17%	17	0,83%
3.2	Xã Long Đức	2.855	2.855	2.825	98,95%	2.798	98,00%	27	0,95%
	Tổng	4.909	4.909	4.879	99,39%	4.835	98,49%	44	0,90%

STT	ĐVHC cấp xã	Tổng số hộ gia đình	Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình			
			Tổng số	Số tham gia lấy ý kiến	Tỷ lệ%	Số đồng ý	Tỷ lệ%	Số không đồng ý	Tỷ lệ%
4	Sáp nhập xã Bàu Cạn và xã Long Phước, lấy tên là xã Long Phước, dự kiến trụ sở đặt tại UBND xã Long Phước								
4.1	Xã Long Phước	5.923	5.923	5.923	100,00%	5.785	97,67%	138	2,33%
4.2	Xã Bàu Cạn	3.689	3.689	3.689	100,00%	3.364	91,19%	325	8,81%
	Tổng	9.612	9.612	9.612	100,00%	9.149	95,18%	463	4,82%
5	Sáp nhập xã Tân Hiệp, Phước Bình, Phước Thái, lấy tên là xã Phước Thái, đặt trụ sở tại UBND xã Phước Thái								
5.1	Xã Phước Thái	5.253	5.253	4.111	78,26%	4.111	78,26%	0	0,00%
5.2	Xã Phước Bình	3.110	3.110	3.110	100,00%	3.010	96,78%	100	3,22%
5.3	Xã Tân Hiệp	2.969	2.969	2.969	100,00%	2.854	96,13%	115	3,87%
	Tổng	11.332	11.332	10.190	89,92%	9.975	88,03%	215	1,90%
IV	Huyện Nhơn Trạch	62.235	62.235	61.488	98,80%	58.344	93,75%	3.144	5,05%
1	Thành lập xã Nhơn Trạch trên cơ sở nhập thị trấn Hiệp Phước, xã Phước Thiện, xã Phú Hội, xã Long Tân, xã Phú Thạnh								
1.1	Thị trấn Hiệp Phước	8.954	8.954	8.842	98,75%	8.149	91,01%	693	7,74%
1.2	Xã Phước Thiện	10.929	10.929	10.820	99,00%	10.546	96,50%	274	2,51%
1.3	Xã Phú Hội	6.534	6.534	6.534	100,00%	6.404	98,01%	130	1,99%
1.4	Xã Long Tân	3.008	3.008	3.008	100,00%	3.008	100,00%	0	0,00%
1.5	Xã Phú Thạnh	3.758	3.758	3.274	87,12%	3.129	83,26%	145	3,86%
	Tổng	33.183	33.183	32.478	97,88%	31.236	94,13%	1.242	3,74%
2	Thành lập xã Phước An trên cơ sở nhập xã Phước An và xã Long Thọ								
2.1	Xã Phước An	4.136	4.136	4.136	100,00%	4.114	99,47%	22	0,53%
2.2	Xã Long Thọ	10.093	10.093	10.093	100,00%	9.997	99,05%	96	0,95%
	Tổng	14.229	14.229	14.229	100,00%	14.111	99,17%	118	0,83%
3	Thành lập xã Đại Phước trên cơ sở nhập xã Phú Hữu, xã Phú Đông, xã Đại Phước và xã Phước Khánh								
3.1	Xã Phú Hữu	3.949	3.949	3.907	98,94%	3.860	97,75%	47	1,19%
3.2	Xã Phú Đông	3.968	3.968	3.968	100,00%	3.923	98,87%	45	1,13%
3.3	Xã Đại Phước	3.075	3.075	3.075	100,00%	3.059	99,48%	16	0,52%
3.4	Xã Phước Khánh	3.831	3.831	3.831	100,00%	2.155	56,25%	1.676	43,75%
	Tổng	14.823	14.823	14.781	99,72%	12.997	87,68%	1.784	12,04%

STT	ĐVHC cấp xã	Tổng số hộ gia đình	Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình			
			Tổng số	Số tham gia lấy ý kiến	Tỷ lệ%	Số đồng ý	Tỷ lệ%	Số không đồng ý	Tỷ lệ%
V	Huyện Trảng Bom	62.172	62.008	57.548	92,81%	56.755	91,53%	763	1,23%
1	Thành lập xã Bình Minh trên cơ sở nhập xã Bắc Sơn và xã Bình Minh								
1.1	Xã Bắc Sơn	12.944	12.944	12.831	99,13%	12.708	98,18%	123	0,95%
1.2	Xã Bình Minh	4.892	4.892	4.669	95,44%	4.625	94,54%	44	0,90%
	Tổng	17.836	17.836	17.500	98,12%	17.333	97,18%	167	0,94%
2	Thành lập xã Trảng Bom trên cơ sở nhập xã Giang Điền, xã Quảng Tiến, xã Sông Trầu và thị trấn Trảng Bom								
2.1	Xã Quảng Tiến	3.707	3.543	3.543	100,00%	3.487	98,42%	56	1,58%
2.2	Xã Giang Điền	1.790	1.790	1.380	77,09%	1.375	76,82%	5	0,28%
2.3	Xã Sông Trầu	6.691	6.691	6.534	97,65%	6.519	97,43%	15	0,22%
2.4	Thị trấn Trảng Bom	4.644	4.644	4.449	95,80%	4.415	95,07%	34	0,73%
	Tổng	16.832	16.668	15.906	95,43%	15.796	94,77%	110	0,66%
3	Thành lập xã Hưng Thịnh trên cơ sở nhập xã Tây Hoà, xã Trung Hoà, xã Đông Hoà và xã Hưng Thịnh								
3.1	Xã Tây Hoà	3.742	3.742	3.225	86,18%	3.199	85,49%	26	0,69%
3.2	Xã Trung Hoà	3.101	3.101	2.570	82,88%	2.504	80,75%	66	2,13%
3.3	Xã Đông Hoà	2.797	2.797	2.299	82,20%	2.299	82,20%	0	0,00%
3.4	Xã Hưng Thịnh	2.117	2.117	1.852	87,48%	1.837	86,77%	15	0,71%
	Tổng	11.757	11.757	9.946	84,60%	9.839	83,69%	107	0,91%
4	Thành lập xã Bàu Hàm trên cơ sở nhập xã Thanh Bình, xã Cây Gáo, xã Sông Thao và xã Bàu Hàm								
4.1	Xã Thanh Bình	3.135	3.135	2.673	85,26%	2.591	82,65%	34	1,08%
4.2	Xã Cây Gáo	2.957	2.957	2.586	87,45%	2.463	83,29%	123	4,16%
4.3	Xã Sông Thao	2.993	2.993	2.715	90,71%	2.700	90,21%	15	0,50%
4.4	Xã Bàu Hàm	1.712	1.712	1.484	86,68%	1.480	86,45%	4	0,23%
	Tổng	10.797	10.797	9.458	87,60%	9.234	85,52%	176	1,63%
5	Thành lập xã An Viễn trên cơ sở nhập xã An Viễn và xã Đồi 61								
5.1	Xã An Viễn	2.340	2.340	2.146	91,71%	2.141	91,50%	5	0,21%
5.2	Xã Đồi 61	2.610	2.610	2.592	99,31%	2.412	92,41%	198	7,59%
	Tổng	4.950	4.950	4.738	95,72%	4.553	91,98%	203	4,10%

STT	ĐVHC cấp xã	Tổng số hộ gia đình	Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình			
			Tổng số	Số tham gia lấy ý kiến	Tỷ lệ%	Số đồng ý	Tỷ lệ%	Số không đồng ý	Tỷ lệ%
VI	Huyện Thống Nhất	46.351	46.351	45.906	99,04%	44.904	96,88%	1.002	2,16%
1	Thành lập xã Dầu Giây trên cơ sở nhập toàn bộ xã Hưng Lộc, xã Bàu Hàm 2, xã Lộ 25 và thị trấn Dầu Giây								
1.1	Xã Hưng Lộc	3.868	3.868	3.817	98,68%	3.746	96,85%	71	1,84%
1.2	Xã Bàu Hàm 2	2.395	2.395	2.296	95,87%	2.292	95,70%	4	0,17%
1.3	Xã Lộ 25	3.047	3.047	3.047	100,00%	3.006	98,65%	41	1,35%
1.4	TT Dầu Giây	4.836	4.836	4.759	98,41%	4.744	98,10%	15	0,31%
	Tổng	14.146	14.146	13.919	98,40%	13.788	97,47%	131	0,93%
2	Thành lập xã Gia Kiệm trên cơ sở nhập toàn bộ xã Gia Kiệm, xã Quang Trung, xã Gia Tân 3								
2.1	Xã Gia Kiệm	6.850	6.850	6.850	100,00%	6.540	95,47%	310	4,53%
2.2	Xã Quang Trung	4.993	4.993	4.993	100,00%	4.985	99,84%	8	0,16%
2.3	Xã Gia Tân 3	5.638	5.638	5.638	100,00%	5.406	95,89%	232	4,11%
	Tổng	17.481	17.481	17.481	100,00%	16.931	96,85%	550	3,15%
3	Thành lập xã Thông Nhất trên cơ sở nhập toàn bộ xã Gia Tân 1, xã Gia Tân 2 và xã Phú Túc, xã Phú Cường (huyện Định Quán)								
3.1	Xã Gia Tân 1	4.090	4.090	3.904	95,45%	3.872	94,67%	32	0,78%
3.2	Xã Gia Tân 2	3.951	3.951	3.951	100,00%	3.827	96,86%	124	3,14%
3.3	Xã Phú Cường	3.409	3.409	3.409	100,00%	3.281	96,25%	128	3,75%
3.4	Xã Phú Túc	3.274	3.274	3.242	99,02%	3.205	97,89%	37	1,13%
	Tổng	14.724	14.724	14.506	98,52%	14.185	96,34%	321	2,18%
VII	Huyện Xuân Lộc	64.936	64.826	63.495	97,95%	62.447	96,33%	1.047	1,62%
1	Thành lập xã Xuân Định trên cơ sở nhập xã Xuân Định, xã Bảo Hòa và xã Xuân Bảo (huyện Cẩm Mỹ)								
1.1	Xuân Định	2.187	2.077	1.887	90,85%	1.887	90,85%	0	0,00%
1.2	Bảo Hòa	3.141	3.141	2.771	88,22%	2.754	87,68%	19	0,60%
1.3	Xuân Bảo	2.211	2.211	2.211	100,00%	2.184	98,78%	27	1,22%
	Tổng	7.539	7.429	6.869	92,46%	6.825	91,87%	46	0,62%
2	Thành lập xã Xuân Phú trên cơ sở nhập xã Xuân Phú và xã Lang Minh								
2.1	Xuân Phú	4.274	4.274	4.153	97,17%	4.153	97,17%	0	0,00%
2.2	Lang Minh	1.893	1.893	1.893	100,00%	1.881	99,37%	12	0,63%
	Tổng	6.167	6.167	6.046	98,04%	6.034	97,84%	12	0,19%

STT	ĐVHC cấp xã	Tổng số hộ gia đình	Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình			
			Tổng số	Số tham gia lấy ý kiến	Tỷ lệ%	Số đồng ý	Tỷ lệ%	Số không đồng ý	Tỷ lệ%
3	Thành lập xã Xuân Lộc trên cơ sở nhập xã Suối Cát, xã Xuân Hiệp, xã Xuân Trường, xã Xuân Thọ và thị trấn Gia Ray								
3.1	Suối Cát	3.456	3.456	3.354	97,05%	3.345	96,79%	9	0,26%
3.2	Xuân Hiệp	4.059	4.059	4.026	99,19%	4.026	99,19%	0	0,00%
3.3	Xuân Trường	4.686	4.686	4.686	100,00%	4.686	100,00%	0	0,00%
3.4	Xuân Thọ	5.001	5.001	4.844	96,86%	4.406	88,10%	438	8,76%
3.5	Gia Ray	4.573	4.573	4.504	98,49%	4.495	98,29%	9	0,20%
	Tổng	21.775	21.775	21.414	98,34%	20.958	96,25%	456	2,09%
4	Thành lập xã Xuân Hòa trên cơ sở nhập xã Xuân Hòa, xã Xuân Hưng và xã Xuân Tâm; trong đó điều chỉnh nguyên trạng ấp Bằng Lăng (xã Xuân Tâm) về xã Xuân Đông (huyện Cẩm Mỹ)								
4.1	Xuân Hòa	3.321	3.321	3.256	98,04%	3.256	98,04%	0	0,00%
4.2	Xuân Hưng	6.422	6.422	6.326	98,51%	6.009	93,57%	317	4,94%
4.3	Xuân Tâm	6.267	6.267	6.267	100,00%	6.205	99,01%	60	0,96%
	Tổng	16.010	16.010	15.849	98,99%	15.470	96,63%	377	2,35%
5	Thành lập xã Xuân Thành trên cơ sở nhập xã Xuân Thành và xã Suối Cao								
5.1	Xuân Thành	2.496	2.496	2.459	98,52%	2.426	97,20%	33	1,32%
5.2	Suối Cao	2.281	2.281	2.190	96,01%	2.172	95,22%	18	0,79%
	Tổng	4.777	4.777	4.649	97,32%	4.598	96,25%	51	1,07%
6	Thành lập xã Xuân Bắc trên cơ sở nhập xã Xuân Bắc và xã Suối Nho (huyện Định Quán)								
6.1	Xuân Bắc	4.621	4.621	4.621	100,00%	4.617	99,91%	3	0,06%
6.2	Suối Nho	4.047	4.047	4.047	100,00%	3.945	97,48%	102	2,52%
	Tổng	8.668	8.668	8.668	100,00%	8.562	98,78%	105	1,21%
VIII	Huyện Cẩm Mỹ	32.127	32.127	31.957	99,47%	31.595	98,34%	364	1,13%
1	Thành lập xã Xuân Quế trên cơ sở nhập xã Xuân Quế và xã Sông Nhạn								
1.1	Xã Xuân Quế	2.183	2.183	2.183	100,00%	2.179	99,82%	4	0,18%
1.2	Xã Sông Nhạn	2.131	2.131	2.131	100,00%	2.104	98,73%	27	1,27%
	Tổng	4.314	4.314	4.314	100,00%	4.283	99,28%	31	0,72%
2	Thành lập xã Xuân Đường trên cơ sở nhập xã Thừa Đức, xã Xuân Đường và xã Cẩm Đường (huyện Long Thành)								
2.1	Xã Xuân Đường	1.679	1.679	1.679	100,00%	1.667	99,29%	12	0,71%
2.2	Xã Thừa Đức	1.993	1.993	1.993	100,00%	1.957	98,19%	36	1,81%
2.3	Xã Cẩm Đường	2.027	2.027	1.933	95,36%	1.395	68,82%	538	26,54%
	Tổng	3.672	3.672	3.672	100,00%	3.624	98,69%	48	1,31%

STT	ĐVHC cấp xã	Tổng số hộ gia đình	Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình			
			Tổng số	Số tham gia lấy ý kiến	Tỷ lệ%	Số đồng ý	Tỷ lệ%	Số không đồng ý	Tỷ lệ%
3	Thành lập xã Cẩm Mỹ trên cơ sở nhập xã Nhân Nghĩa, xã Bảo Bình, xã Xuân Mỹ và thị trấn Long Giao								
3.1	Thị trấn Long Giao	1.712	1.712	1.712	100,00%	1.707	99,71%	5	0,29%
3.2	Xã Nhân Nghĩa	1.543	1.543	1.543	100,00%	1.541	99,87%	2	0,13%
3.3	Xã Bảo Bình	2.842	2.842	2.842	100,00%	2.781	97,85%	61	2,15%
3.4	Xã Xuân Mỹ	2.858	2.858	2.858	100,00%	2.844	99,51%	14	0,49%
	Tổng	8.955	8.955	8.955	100,00%	8.873	99,08%	82	0,92%
4	Thành lập xã Sông Ray trên cơ sở nhập xã Sông Ray và xã Lâm San								
4.1	Xã Lâm San	2.089	2.089	2.089	100,00%	2.082	99,66%	7	0,34%
4.2	Xã Sông Ray	3.721	3.721	3.721	100,00%	3.715	99,84%	6	0,16%
	Tổng	5.810	5.810	5.810	100,00%	5.797	99,78%	13	0,22%
5	Thành lập xã Xuân Đông trên cơ sở nhập xã Xuân Đông, xã Xuân Tây và tiếp nhận ấp Bông Lãng (xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc)								
5.1	Ấp Bông Lãng (xã Xuân Tâm)	231	231	231	100,00%	220	95,24%	11	4,76%
5.2	Xã Xuân Đông	4.545	4.545	4.528	99,63%	4.443	97,76%	87	1,91%
5.3	Xã Xuân Tây	4.600	4.600	4.447	96,67%	4.355	94,67%	92	2,00%
	Tổng	9.376	9.376	9.206	98,19%	9.018	96,18%	190	2,03%
IX	Huyện Định Quán	32.671	32.671	32.279	98,80%	31.917	97,69%	362	1,11%
1	Thành lập xã La Ngà trên cơ sở nhập xã La Ngà và Túc Trưng								
1.1	Xã La Ngà	3.412	3.412	3.412	100,00%	3.412	100,00%	0	0,00%
1.2	Xã Túc Trưng	3.065	3.065	3.065	100,00%	3.016	98,40%	49	1,60%
	Tổng	6.477	6.477	6.477	100,00%	6.428	99,24%	49	0,76%
2	Thành lập xã Định Quán trên cơ sở nhập xã Phú Ngọc, Gia Canh, Ngọc Định và thị trấn Định Quán								
2.1	Xã Ngọc Định	2.091	2.091	2.091	100,00%	2.091	100,00%	0	0,00%
2.2	Xã Gia Canh	5.173	5.173	4.901	94,74%	4.862	93,99%	39	0,75%
2.3	Xã Phú Ngọc	4.532	4.532	4.532	100,00%	4.531	99,98%	1	0,02%
2.4	Thị trấn Định Quán	4.935	4.935	4.935	100,00%	4.918	99,66%	17	0,34%
	Tổng	16.731	16.731	16.459	98,37%	16.402	98,03%	57	0,34%
3	Thành lập xã Phú Vinh trên cơ sở nhập xã Phú Vinh và Phú Tân								
3.1	Xã Phú Vinh	2.879	2.879	2.871	99,72%	2.867	99,58%	4	0,14%
3.2	Xã Phú Tân	2.458	2.458	2.348	95,52%	2.248	91,46%	100	4,07%
	Tổng	5.337	5.337	5.219	97,79%	5.115	95,84%	104	1,95%

STT	ĐVHC cấp xã	Tổng số hộ gia đình	Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình			
			Tổng số	Số tham gia lấy ý kiến	Tỷ lệ%	Số đồng ý	Tỷ lệ%	Số không đồng ý	Tỷ lệ%
4	Thành lập xã Phú Hòa trên cơ sở nhập xã Phú Lợi, Phú Hòa và Phú Điền (huyện Tân Phú)								
4.1	Xã Phú Lợi	2.485	2.485	2.485	100,00%	2.333	93,88%	152	6,12%
4.2	Xã Phú Hòa	1.641	1.641	1.639	99,88%	1.639	99,88%	0	0,00%
	Xã Phú Điền	1.895	1.895	1.895	100,00%	1.870	98,68%	25	1,32%
	Tổng	4.126	4.126	4.124	99,95%	3.972	96,27%	152	3,68%
X	Huyện Tân Phú	38.742	38.742	38.721	99,95%	38.547	99,50%	174	0,45%
1	Thành lập xã Tân Phú trên cơ sở nhập xã Phú Lộc, thị trấn Tân Phú, xã Trà Cỏ, xã Phú Thanh và xã Phú Xuân								
1.1	Xã Phú Lộc	2.458	2.458	2.458	100,00%	2.458	100,00%	0	0,00%
1.2	Thị trấn Tân Phú	4.508	4.508	4.507	99,98%	4.479	99,36%	28	0,62%
1.3	Xã Trà Cỏ	1.941	1.941	1.941	100,00%	1.936	99,74%	5	0,26%
1.4	Xã Phú Thanh	3.505	3.505	3.505	100,00%	3.495	99,71%	10	0,29%
1.5	Xã Phú Xuân	3.148	3.148	3.148	100,00%	3.147	99,97%	1	0,03%
	Tổng	15.560	15.560	15.559	99,99%	15.515	99,71%	44	0,28%
2	Thành lập xã Tà Lài trên cơ sở nhập xã Phú Thịnh, xã Phú Lập và xã Tà Lài								
2.1	Xã Phú Thịnh	2.552	2.552	2.547	99,80%	2.527	99,02%	20	0,78%
2.2	Xã Phú Lập	2.638	2.638	2.623	99,43%	2.616	99,17%	7	0,27%
2.3	Xã Tà Lài	2.102	2.102	2.102	100,00%	2.098	99,81%	4	0,19%
	Tổng	7.292	7.292	7.272	99,73%	7.241	99,30%	31	0,43%
3	Thành lập xã Nam Cát Tiên trên cơ sở nhập xã Phú An và xã Nam Cát Tiên, trụ sở đặt tại UBND xã Nam Cát Tiên								
3.1	Xã Phú An	1.217	1.217	1.217	100,00%	1.207	99,18%	10	0,82%
3.2	Xã Nam Cát Tiên	2.088	2.088	2.088	100,00%	2.088	100,00%	0	0,00%
	Tổng	3.305	3.305	3.305	100,00%	3.295	99,70%	10	0,30%
4	Thành lập xã Phú Lâm trên cơ sở nhập xã Phú Sơn, xã Phú Bình, xã Thanh Sơn và xã Phú Lâm								
4.1	Xã Phú Sơn	4.549	4.549	4.549	100,00%	4.475	98,37%	74	1,63%
4.2	Xã Phú Bình	3.011	3.011	3.011	100,00%	3.008	99,90%	3	0,10%
4.3	Xã Thanh Sơn	1.728	1.728	1.728	100,00%	1.728	100,00%	0	0,00%
4.4	Xã Phú Lâm	3.297	3.297	3.297	100,00%	3.285	99,64%	12	0,36%
	Tổng	12.585	12.585	12.585	100,00%	12.496	99,29%	89	0,71%

STT	ĐVHC cấp xã	Tổng số hộ gia đình	Số lượng cử tri đại diện hộ gia đình			Kết quả lấy ý kiến cử tri đại diện hộ gia đình			
			Tổng số	Số tham gia lấy ý kiến	Tỷ lệ%	Số đồng ý	Tỷ lệ%	Số không đồng ý	Tỷ lệ%
XI	Huyện Vĩnh Cửu	40.016	39.474	39.376	99,75%	37.311	94,52%	1.695	4,29%
1	Thành lập phường Tân Triều trên cơ sở nhập xã Tân Bình, xã Bình Lợi, xã Thạnh Phú và phường Tân Phong (thành phố Biên Hòa)								
1.1	Xã Tân Bình	4.227	4.227	4.227	100,00%	4.191	99,15%	26	0,62%
1.2	Xã Bình Lợi	1.992	1.992	1.992	100,00%	1.980	99,40%	12	0,60%
1.3	Xã Thạnh Phú	4.728	4.698	4.698	100,00%	4.621	98,36%	71	1,51%
1.4	Phường Tân Phong (Biên Hòa)	10.127	10.127	10.029	99,03%	9.082	89,68%	947	9,35%
	Tổng cộng	21.074	21.044	20.946	99,53%	19.874	94,44%	1.056	5,02%
2	Thành lập xã Tân An trên cơ sở nhập xã Tân An và xã Vĩnh Tân								
2.1	Xã Tân An	2.673	2.673	2.673	100,00%	2.653	99,25%	20	0,75%
2.2	Xã Vĩnh Tân	5.778	5.266	5.266	100,00%	4.665	88,59%	600	11,39%
	Tổng cộng	8.451	7.939	7.939	100,00%	7.318	92,18%	620	7,81%
3	Thành lập xã Trị An trên cơ sở nhập thị trấn Vĩnh An, xã Trị An, xã Mã Đà								
3.1	Xã Trị An	2.439	2.439	2.439	100,00%	2.086	85,53%	0	0,00%
3.2	Xã Mã Đà	1.376	1.376	1.376	100,00%	1.372	99,71%	4	0,29%
3.3	Xã Vĩnh An	6.676	6.676	6.676	100,00%	6.661	99,78%	15	0,22%
	Tổng cộng	10.491	10.491	10.491	100,00%	10.119	96,45%	19	0,18%

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



**TỔNG HỢP KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP
VỀ SÁP XẾP ĐVHC CẤP XÃ NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI**
(Kèm theo Báo cáo số 123/BC-UBND ngày 29/4/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai)

STT	ĐVHC cấp xã	Số lượng đại biểu HĐND			Kết quả biểu quyết trên tổng số đại biểu tham dự			
		Tổng số	Số ĐB tham dự họp	Tỷ lệ%	Số ĐB đồng ý	Tỷ lệ%	Số ĐB không đồng ý	Tỷ lệ%
A	B	(2)	(3)	(4)=3/2	5	(6)=5/2	7	(8)=7/2
	Tỉnh Đồng Nai	351	310	88,32%	310	100,00%	0	0,00%
I	Thành phố Biên Hòa	38	35	92,11%	35	100,00%	0	0,00%
1	Thành lập phường Biên Hòa trên cơ sở nhập phường Tân Hạnh, phường Hóa An, phường Bửu Hòa và phường Tân Vạn							
1.1	Phường Tân Hạnh	20	20	100,00%	20	100,00%	0	0,00%
1.2	Phường Hóa An	22	17	77,27%	17	100,00%	0	0,00%
1.3	Phường Bửu Hòa	21	19	90,48%	19	100,00%	0	0,00%
1.4	Phường Tân Vạn	22	20	90,91%	20	100,00%	0	0,00%
	Tổng	85	76	89,41%	76	100,00%	0	0,00%
2	Thành lập phường Trảng Biên trên cơ sở nhập phường Bửu Long, phường Quang Vinh, phường Trung Dũng, phường Thống Nhất, phường Hiệp Hòa và phường An Bình							
2.1	Phường Bửu Long	22	19	86,36%	19	100,00%	0	0,00%
2.2	Phường Quang Vinh	32	32	100,00%	32	100,00%	0	0,00%
2.3	Phường Trung Dũng	52	49	94,23%	49	100,00%	0	0,00%
2.4	Phường Thống Nhất	23	21	91,30%	21	100,00%	0	0,00%
2.5	Phường Hiệp Hòa	19	18	94,74%	18	100,00%	0	0,00%
2.6	Phường An Bình	28	26	92,86%	26	100,00%	0	0,00%
	Tổng	176	165	93,75%	165	100,00%	0	0,00%
3	Thành lập phường Trảng Dài trên cơ sở nhập phường Trảng Dài (thành phố Biên Hòa) và xã Thiện Tân (huyện Vĩnh Cửu)							
3.1	Phường Trảng Dài	26	24	92,31%	24	100,00%	0	0,00%
3.2	Xã Thiện Tân	25	23	92,00%	23	100,00%	0	0,00%
	Tổng	51	47	92,16%	47	100,00%	0	0,00%

STT	ĐVHC cấp xã	Số lượng đại biểu HĐND			Kết quả biểu quyết trên tổng số đại biểu tham dự			
		Tổng số	Số ĐB tham dự họp	Tỷ lệ%	Số ĐB đồng ý	Tỷ lệ%	Số ĐB không đồng ý	Tỷ lệ%
4	Thành lập phường Hồ Nai trên cơ sở nhập phường Tân Hòa (thành phố Biên Hòa) và xã Hồ Nai 3 (huyện Trảng Bom)							
4.1	Phường Tân Hòa	26	26	100,00%	26	100,00%	0	0,00%
4.2	Xã Hồ Nai 3	25	24	96,00%	24	100,00%	0	0,00%
	Tổng	51	50	98,04%	50	100,00%	0	0,00%
5	Thành lập phường Tam Hiệp trên cơ sở nhập phường Tân Hiệp, phường Tam Hiệp, phường Tân Mai và phường Bình Đa							
5.1	Phường Tân Hiệp	20	19	95,00%	19	100,00%	0	0,00%
5.2	Phường Tam Hiệp	24	24	100,00%	24	100,00%	0	0,00%
5.3	Phường Tân Mai	39	37	94,87%	37	100,00%	0	0,00%
5.4	Phường Bình Đa	41	37	90,24%	37	100,00%	0	0,00%
	Tổng	124	117	94,35%	117	100,00%	0	0,00%
6	Thành lập phường Long Bình trên cơ sở nhập phường Long Bình, phường Hồ Nai và phường Tân Biên							
6.1	Phường Long Bình	26	25	96,15%	25	100,00%	0	0,00%
6.2	Phường Hồ Nai	26	25	96,15%	25	100,00%	0	0,00%
6.3	Phường Tân Biên	26	24	92,31%	24	100,00%	0	0,00%
	Tổng	78	74	94,87%	74	100,00%	0	0,00%
7	Thành lập phường Long Hưng trên cơ sở nhập phường An Hòa, phường Long Bình Tân và xã Long Hưng							
7.1	Phường An Hòa	18	18	100,00%	12	66,67%	6	33,33%
7.2	Phường Long Bình Tân	26	23	88,46%	23	100,00%	0	0,00%
7.3	Xã Long Hưng	19	17	89,47%	17	100,00%	0	0,00%
	Tổng	63	58	92,06%	52	89,66%	6	10,34%
II	Thành phố Long Khánh	29	26	89,66%	26	100,00%	0	0,00%
1	Thành lập phường Bình Lộc trên cơ sở nhập phường Suối Tre, xã Bình Lộc và xã Xuân Thiện (huyện Thống Nhất)							
1.1	Xã Xuân Thiện	24	22	91,67%	22	100,00%	0	0,00%
1.2	Xã Bình Lộc	23	20	86,96%	20	100,00%	0	0,00%
1.3	Phường Suối Tre	19	17	89,47%	17	100,00%	0	0,00%
	Tổng	66	59	89,39%	59	100,00%	0	0,00%

STT	ĐVHC cấp xã	Số lượng đại biểu HĐND			Kết quả biểu quyết trên tổng số đại biểu tham dự			
		Tổng số	Số ĐB tham dự họp	Tỷ lệ%	Số ĐB đồng ý	Tỷ lệ%	Số ĐB không đồng ý	Tỷ lệ%
2	Thành lập phường Long Khánh trên cơ sở nhập phường Xuân An, Xuân Hoà, Xuân Bình, Phú Bình và xã Bàu Trâm							
2.1	Phường Xuân An	51	45	88,24%	45	100,00%	0	0,00%
2.2	Phường Xuân Bình	16	14	87,50%	14	100,00%	0	0,00%
2.3	Xã Bàu Trâm	22	22	100,00%	22	100,00%	0	0,00%
2.4	Phường Phú Bình	17	16	94,12%	16	100,00%	0	0,00%
2.5	Phường Xuân Hoà	16	13	81,25%	13	100,00%	0	0,00%
	Tổng	122	110	90,16%	110	100,00%	0	0,00%
3	Thành lập phường Bảo Vinh trên cơ sở nhập phường Bảo Vinh và xã Bảo Quang							
3.1	Phường Bảo Vinh	16	16	100,00%	16	100,00%	0	0,00%
3.2	Xã Bảo Quang	21	20	95,24%	20	100,00%	0	0,00%
	Tổng	37	36	97,30%	36	100,00%	0	0,00%
4	Thành lập phường Hàng Gòn trên cơ sở nhập phường Xuân Tân và xã Hàng Gòn							
4.1	Xã Hàng Gòn	26	23	88,46%	23	100,00%	0	0,00%
4.2	Phường Xuân Tân	18	18	100,00%	18	100,00%	0	0,00%
	Tổng	44	41	93,18%	41	100,00%	0	0,00%
5	Thành lập phường Xuân Lập trên cơ sở nhập phường Xuân Lập và Bàu Sen							
5.1	Phường Bàu Sen	19	19	100,00%	19	100,00%	0	0,00%
5.2	Phường Xuân Lập	16	16	100,00%	16	100,00%	0	0,00%
	Tổng	35	35	100,00%	35	100,00%	0	0,00%
III	Huyện Long Thành	30	29	96,67%	29	100,00%	0	0,00%
1	Thành lập xã Long Thành trên cơ sở nhập xã Bình Sơn, xã Long An, xã Lộc An và thị trấn Long Thành							
1.1	Thị trấn Long Thành	28	27	96,43%	27	100,00%	0	0,00%
1.2	Xã Lộc An	23	23	100,00%	23	100,00%	0	0,00%
1.3	Xã Long An	21	18	85,71%	18	100,00%	0	0,00%
1.4	Xã Bình Sơn	23	20	86,96%	20	100,00%	0	0,00%
	Tổng	95	88	92,63%	88	100,00%	0	0,00%

STT	ĐVHC cấp xã	Số lượng đại biểu HĐND			Kết quả biểu quyết trên tổng số đại biểu tham dự			
		Tổng số	Số ĐB tham dự họp	Tỷ lệ%	Số ĐB đồng ý	Tỷ lệ%	Số ĐB không đồng ý	Tỷ lệ%
2	Thành lập xã An Phước trên cơ sở nhập xã An Phước và xã Tam An							
2.1	Xã An Phước	26	26	100,00%	26	100,00%	0	0,00%
2.2	Xã Tam An	27	22	81,48%	22	100,00%	0	0,00%
	Tổng	53	48	90,57%	48	100,00%	0	0,00%
3	Thành lập xã Bình An trên cơ sở nhập xã Long Đức và xã Bình An							
3.1	Xã Bình An	24	24	100,00%	24	100,00%	0	0,00%
3.2	Xã Long Đức	21	20	95,24%	20	100,00%	0	0,00%
	Tổng	45	44	97,78%	44	100,00%	0	0,00%
4	Thành lập xã Long Phước trên cơ sở nhập xã Bàu Cạn và xã Long Phước							
4.1	Xã Long Phước	26	22	84,62%	22	100,00%	0	0,00%
4.2	Xã Bàu Cạn	27	25	92,59%	25	100,00%	0	0,00%
	Tổng	53	47	88,68%	47	100,00%	0	0,00%
5	Thành lập xã Phước Thái trên cơ sở nhập xã Tân Hiệp, Phước Bình, Phước Thái							
5.1	Xã Phước Thái	24	20	83,33%	20	100,00%	0	0,00%
5.2	Xã Phước Bình	26	24	92,31%	24	100,00%	0	0,00%
5.3	Xã Tân Hiệp	24	23	95,83%	23	100,00%	0	0,00%
	Tổng	74	67	90,54%	67	100,00%	0	0,00%
IV	Huyện Nhơn Trạch	33	28	84,85%	28	100,00%	0	0,00%
1	Thành lập xã Nhơn Trạch trên cơ sở nhập thị trấn Hiệp Phước, xã Phước Thiện, xã Phú Hội, xã Long Tân, xã Phú Thạnh							
1.1	Thị trấn Hiệp Phước	28	26	92,86%	26	100,00%	0	0,00%
1.2	Xã Phước Thiện	28	26	92,86%	26	100,00%	0	0,00%
1.3	Xã Phú Hội	30	29	96,67%	29	100,00%	0	0,00%
1.4	Xã Long Tân	26	26	100,00%	26	100,00%	0	0,00%
1.5	Xã Phú Thạnh	23	23	100,00%	23	100,00%	0	0,00%
	Tổng	135	130	96,30%	130	100,00%	0	0,00%

STT	ĐVHC cấp xã	Số lượng đại biểu HĐND			Kết quả biểu quyết trên tổng số đại biểu tham dự			
		Tổng số	Số ĐB tham dự họp	Tỷ lệ%	Số ĐB đồng ý	Tỷ lệ%	Số ĐB không đồng ý	Tỷ lệ%
2	Thành lập xã Phước An trên cơ sở nhập xã Phước An và xã Long Thọ							
2.1	Xã Phước An	25	23	92,00%	23	100,00%	0	0,00%
2.2	Xã Long Thọ	24	24	100,00%	24	100,00%	0	0,00%
	Tổng	49	47	95,92%	47	100,00%	0	0,00%
3	Thành lập xã Đại Phước trên cơ sở nhập xã Phú Hữu, xã Phú Đông, xã Đại Phước và xã Phước Khánh							
3.1	Xã Phú Hữu	24	27	112,50%	27	100,00%	0	0,00%
3.2	Xã Phú Đông	26	24	92,31%	24	100,00%	0	0,00%
3.3	Xã Đại Phước	22	22	100,00%	22	100,00%	0	0,00%
3.4	Xã Phước Khánh	25	23	92,00%	23	100,00%	0	0,00%
	Tổng	97	96	98,97%	96	100,00%	0	0,00%
V	Huyện Trảng Bom	32	27	84,38%	27	100,00%	0	0,00%
1	Thành lập xã Bình Minh trên cơ sở nhập xã Bắc Sơn và xã Bình Minh							
1.1	Xã Bắc Sơn	29	26	89,66%	26	100,00%	0	0,00%
1.2	Xã Bình Minh	27	25	92,59%	25	100,00%	0	0,00%
	Tổng	56	51	91,07%	51	100,00%	0	0,00%
2	Thành lập xã Trảng Bom trên cơ sở nhập xã Giang Điền, xã Quảng Tiến, xã Sông Trầu và thị trấn Trảng Bom							
2.1	Xã Quảng Tiến	26	24	92,31%	24	100,00%	0	0,00%
2.2	Xã Giang Điền	24	22	91,67%	22	100,00%	0	0,00%
2.3	Xã Sông Trầu	26	23	88,46%	23	100,00%	0	0,00%
2.4	Thị trấn Trảng Bom	30	28	93,33%	28	100,00%	0	0,00%
	Tổng	106	97	91,51%	97	100,00%	0	0,00%
3	Thành lập xã Hưng Thịnh trên cơ sở nhập xã Tây Hoà, xã Trung Hoà, xã Đông Hoà và xã Hưng Thịnh							
3.1	Xã Tây Hoà	29	27	93,10%	27	100,00%	0	0,00%
3.2	Xã Trung Hoà	26	24	92,31%	24	100,00%	0	0,00%
3.3	Xã Đông Hoà	25	21	84,00%	21	100,00%	0	0,00%
3.4	Xã Hưng Thịnh	23	21	91,30%	21	100,00%	0	0,00%
	Tổng	103	93	90,29%	93	100,00%	0	0,00%

STT	ĐVHC cấp xã	Số lượng đại biểu HĐND			Kết quả biểu quyết trên tổng số đại biểu tham dự			
		Tổng số	Số ĐB tham dự họp	Tỷ lệ%	Số ĐB đồng ý	Tỷ lệ%	Số ĐB không đồng ý	Tỷ lệ%
4	Thành lập xã Bàu Hàm trên cơ sở nhập xã Thanh Bình, xã Cây Gáo, xã Sông Thao và xã Bàu Hàm							
4.1	Xã Thanh Bình	22	22	100,00%	22	100,00%	0	0,00%
4.2	Xã Cây Gáo	23	20	86,96%	20	100,00%	0	0,00%
4.3	Xã Sông Thao	27	23	85,19%	23	100,00%	0	0,00%
4.4	Xã Bàu Hàm	23	21	91,30%	21	100,00%	0	0,00%
	Tổng	95	86	90,53%	86	100,00%	0	0,00%
5	Thành lập xã An Viễn trên cơ sở nhập xã An Viễn và xã Đồi 61							
5.1	Xã An Viễn	17	17	100,00%	17	100,00%	0	0,00%
5.2	Xã Đồi 61	29	27	93,10%	27	100,00%	0	0,00%
	Tổng	46	44	95,65%	44	100,00%	0	0,00%
VI	Huyện Thống Nhất	33	28	84,85%	28	100,00%	0	0,00%
1	Thành lập xã Dầu Giây trên cơ sở nhập toàn bộ xã Hưng Lộc, xã Bàu Hàm 2, xã Lộ 25 và thị trấn Dầu Giây							
1.1	Xã Hưng Lộc	25	23	92,00%	23	100,00%	0	0,00%
1.2	Xã Bàu Hàm 2	22	22	100,00%	22	100,00%	0	0,00%
1.3	Xã Lộ 25	22	21	95,45%	21	100,00%	0	0,00%
1.4	TT Dầu Giây	28	26	92,86%	26	100,00%	0	0,00%
	Tổng	97	92	94,85%	92	100,00%	0	0,00%
2	Thành lập xã Gia Kiệm trên cơ sở nhập toàn bộ xã Gia Kiệm, xã Quang Trung, xã Gia Tân 3							
2.1	Xã Gia Kiệm	24	24	100,00%	24	100,00%	0	0,00%
2.2	Xã Quang Trung	29	27	93,10%	27	100,00%	0	0,00%
2.3	Xã Gia Tân 3	25	23	92,00%	23	100,00%	0	0,00%
	Tổng	78	74	94,87%	74	100,00%	0	0,00%
3	Thành lập xã Thông Nhất trên cơ sở nhập toàn bộ xã Gia Tân 1, xã Gia Tân 2 và xã Phú Túc, xã Phú Cường (huyện Định Quán)							
3.1	Xã Gia Tân 1	26	21	80,77%	21	100,00%	0	0,00%
3.2	Xã Gia Tân 2	23	20	86,96%	20	100,00%	0	0,00%
3.3	Xã Phú Cường	26	26	100,00%	26	100,00%	0	0,00%
3.4	Xã Phú Túc	23	22	95,65%	22	100,00%	0	0,00%
	Tổng	98	89	90,82%	89	100,00%	0	0,00%

STT	ĐVHC cấp xã	Số lượng đại biểu HĐND			Kết quả biểu quyết trên tổng số đại biểu tham dự			
		Tổng số	Số ĐB tham dự họp	Tỷ lệ%	Số ĐB đồng ý	Tỷ lệ%	Số ĐB không đồng ý	Tỷ lệ%
VII	Huyện Xuân Lộc	33	29	87,88%	29	100,00%	0	0,00%
1	Thành lập xã Xuân Định trên cơ sở nhập xã Xuân Định, xã Bảo Hòa và xã Xuân Bảo (huyện Cẩm Mỹ)							
1.1	Xuân Định	18	16	88,89%	16	100,00%	0	0,00%
1.2	Bảo Hòa	26	24	92,31%	24	100,00%	0	0,00%
1.3	Xuân Bảo	23	23	100,00%	23	100,00%	0	0,00%
	Tổng	67	63	94,03%	63	100,00%	0	0,00%
2	Thành lập xã Xuân Phú trên cơ sở nhập xã Xuân Phú và xã Lang Minh							
2.1	Xuân Phú	29	29	100,00%	29	100,00%	0	0,00%
2.2	Lang Minh	23	23	100,00%	23	100,00%	0	0,00%
	Tổng	52	52	100,00%	52	100,00%	0	0,00%
3	Thành lập xã Xuân Lộc trên cơ sở nhập xã Suối Cát, xã Xuân Hiệp, xã Xuân Trường, xã Xuân Thọ và thị trấn Gia Ray							
3.1	Suối Cát	26	25	96,15%	25	100,00%	0	0,00%
3.2	Xuân Hiệp	25	25	100,00%	25	100,00%	0	0,00%
3.3	Xuân Trường	27	26	96,30%	26	100,00%	0	0,00%
3.4	Xuân Thọ	27	25	92,59%	25	100,00%	0	0,00%
3.5	Gia Ray	29	27	93,10%	27	100,00%	0	0,00%
	Tổng	134	128	95,52%	128	100,00%	0	0,00%
4	Thành lập xã Xuân Hòa trên cơ sở nhập xã Xuân Hòa, xã Xuân Hưng và xã Xuân Tâm; trong đó điều chỉnh nguyên trạng ấp Bằng Lăng (xã Xuân Tâm) về xã Xuân Đông (huyện Cẩm Mỹ)							
4.1	Xuân Hòa	27	25	92,59%	25	100,00%	0	0,00%
4.2	Xuân Hưng	26	26	100,00%	26	100,00%	0	0,00%
4.3	Xuân Tâm	25	25	100,00%	25	100,00%	0	0,00%
	Tổng	78	76	97,44%	76	100,00%	0	0,00%
5	Thành lập xã Xuân Thành trên cơ sở nhập xã Xuân Thành và xã Suối Cao							
5.1	Xuân Thành	24	22	91,67%	22	100,00%	0	0,00%
5.2	Suối Cao	22	20	90,91%	20	100,00%	0	0,00%
	Tổng	46	42	91,30%	42	100,00%	0	0,00%
6	Thành lập xã Xuân Bắc trên cơ sở nhập xã Xuân Bắc và xã Suối Nho (huyện Định Quán)							
6.1	Xuân Bắc	27	27	100,00%	27	100,00%	0	0,00%
6.2	Suối Nho	28	27	96,43%	27	100,00%	0	0,00%
	Tổng	55	54	98,18%	54	100,00%	0	0,00%

STT	ĐVHC cấp xã	Số lượng đại biểu HĐND			Kết quả biểu quyết trên tổng số đại biểu tham dự			
		Tổng số	Số ĐB tham dự họp	Tỷ lệ%	Số ĐB đồng ý	Tỷ lệ%	Số ĐB không đồng ý	Tỷ lệ%
VIII	Huyện Cẩm Mỹ	27	23	85,19%	23	100,00%	0	0,00%
1	Thành lập xã Xuân Quế trên cơ sở nhập xã Xuân Quế và xã Sông Nhạn							
1.1	Xã Xuân Quế	21	18	85,71%	18	100,00%	0	0,00%
1.2	Xã Sông Nhạn	22	20	90,91%	20	100,00%	0	0,00%
	Tổng	43	38	88,37%	38	100,00%	0	0,00%
2	Thành lập xã Xuân Đường trên cơ sở nhập xã Thừa Đức, xã Xuân Đường và xã Cẩm Đường (huyện Long Thành)							
2.1	Xã Xuân Đường	17	17	100,00%	17	100,00%	0	0,00%
2.2	Xã Thừa Đức	19	17	89,47%	16	94,12%	1	5,88%
2.3	Xã Cẩm Đường	22	20	90,91%	20	100,00%	0	0,00%
	Tổng	58	54	93,10%	53	98,15%	1	1,85%
3	Thành lập xã Cẩm Mỹ trên cơ sở nhập xã Nhân Nghĩa, xã Bảo Bình, xã Xuân Mỹ và thị trấn Long Giao							
3.1	Thị trấn Long Giao	17	15	88,24%	15	100,00%	0	0,00%
3.2	Xã Nhân Nghĩa	19	19	100,00%	19	100,00%	0	0,00%
3.3	Xã Bảo Bình	26	22	84,62%	22	100,00%	0	0,00%
3.4	Xã Xuân Mỹ	19	16	84,21%	16	100,00%	0	0,00%
	Tổng	81	72	88,89%	72	100,00%	0	0,00%
4	Thành lập xã Sông Ray trên cơ sở nhập xã Sông Ray và xã Lâm San							
4.1	Xã Lâm San	21	21	100,00%	21	100,00%	0	0,00%
4.2	Xã Sông Ray	26	24	92,31%	24	100,00%	0	0,00%
	Tổng	47	45	95,74%	45	100,00%	0	0,00%
5	Thành lập xã Xuân Đông trên cơ sở nhập xã Xuân Đông, xã Xuân Tây và tiếp nhận ấp Bằng Lăng (xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc)							
5.2	Xã Xuân Đông	23	18	99,63%	18	100,00%	0	0,00%
5.3	Xã Xuân Tây	29	29	100,00%	29	100,00%	0	0,00%
	Tổng	52	47	90,38%	47	100,00%	0	0,00%

STT	ĐVHC cấp xã	Số lượng đại biểu HĐND			Kết quả biểu quyết trên tổng số đại biểu tham dự			
		Tổng số	Số ĐB tham dự họp	Tỷ lệ%	Số ĐB đồng ý	Tỷ lệ%	Số ĐB không đồng ý	Tỷ lệ%
IX	Huyện Định Quán	32	26	81,25%	26	100,00%	0	0,00%
1	Thành lập xã La Ngà trên cơ sở nhập xã La Ngà và Túc Trung							
1.1	Xã La Ngà	26	22	84,62%	22	100,00%	0	0,00%
1.2	Xã Túc Trung	28	24	85,71%	24	100,00%	0	0,00%
	Tổng	54	46	85,19%	46	100,00%	0	0,00%
2	Thành lập xã Định Quán trên cơ sở nhập xã Phú Ngọc, Gia Canh, Ngọc Định và thị trấn Định Quán							
2.1	Xã Ngọc Định	17	14	82,35%	14	100,00%	0	0,00%
2.2	Xã Gia Canh	29	27	93,10%	27	100,00%	0	0,00%
2.3	Xã Phú Ngọc	28	26	92,86%	26	100,00%	0	0,00%
2.4	Thị trấn Định Quán	25	24	96,00%	24	100,00%	0	0,00%
	Tổng	99	91	91,92%	91	100,00%	0	0,00%
3	Thành lập xã Phú Vinh trên cơ sở nhập xã Phú Vinh và Phú Tân							
3.1	Xã Phú Vinh	27	25	92,59%	25	100,00%	0	0,00%
3.2	Xã Phú Tân	21	20	95,24%	20	100,00%	0	0,00%
	Tổng	48	45	93,75%	45	100,00%	0	0,00%
4	Thành lập xã Phú Hòa trên cơ sở nhập xã Phú Lợi, Phú Hòa và Phú Điền (huyện Tân Phú)							
4.1	Xã Phú Lợi	25	21	84,00%	21	100,00%	0	0,00%
4.2	Xã Phú Hòa	16	15	93,75%	15	100,00%	0	0,00%
	Xã Phú Điền	20	19	95,00%	19	100,00%	0	0,00%
	Tổng	61	55	90,16%	55	100,00%	0	0,00%
X	Huyện Tân Phú	31	29	93,55%	29	100,00%	0	0,00%
1	Thành lập xã Tân Phú trên cơ sở nhập xã Phú Lộc, thị trấn Tân Phú, xã Trà Cỏ, xã Phú Thanh và xã Phú Xuân							
1.1	Xã Phú Lộc	23	22	95,65%	22	100,00%	0	0,00%
1.2	Thị trấn Tân Phú	24	23	95,83%	23	100,00%	0	0,00%
1.3	Xã Trà Cỏ	24	18	75,00%	18	100,00%	0	0,00%
1.4	Xã Phú Thanh	25	22	88,00%	22	100,00%	0	0,00%
1.5	Xã Phú Xuân	23	23	100,00%	23	100,00%	0	0,00%
	Tổng	119	108	90,76%	108	100,00%	0	0,00%

STT	ĐVHC cấp xã	Số lượng đại biểu HĐND			Kết quả biểu quyết trên tổng số đại biểu tham dự			
		Tổng số	Số ĐB tham dự họp	Tỷ lệ%	Số ĐB đồng ý	Tỷ lệ%	Số ĐB không đồng ý	Tỷ lệ%
2	Thành lập xã Tà Lài trên cơ sở nhập xã Phú Thịnh, xã Phú Lập và xã Tà Lài							
2.1	Xã Phú Thịnh	21	20	95,24%	20	100,00%	0	0,00%
2.2	Xã Phú Lập	29	28	96,55%	28	100,00%	0	0,00%
2.3	Xã Tà Lài	19	17	89,47%	17	100,00%	0	0,00%
	Tổng	69	65	94,20%	65	100,00%	0	0,00%
3	Thành lập xã Nam Cát Tiên trên cơ sở nhập xã Phú An và xã Nam Cát Tiên, trụ sở đặt tại UBND xã Nam Cát Tiên							
3.1	Xã Phú An	19	17	89,47%	17	100,00%	0	0,00%
3.2	Xã Nam Cát Tiên	26	26	100,00%	26	100,00%	0	0,00%
	Tổng	45	43	95,56%	43	100,00%	0	0,00%
4	Thành lập xã Phú Lâm trên cơ sở nhập xã Phú Sơn, xã Phú Bình, xã Thanh Sơn và xã Phú Lâm							
4.1	Xã Phú Sơn	40	38	95,00%	38	100,00%	0	0,00%
4.2	Xã Phú Bình	25	22	88,00%	22	100,00%	0	0,00%
4.3	Xã Thanh Sơn	22	22	100,00%	22	100,00%	0	0,00%
4.4	Xã Phú Lâm	26	24	92,31%	24	100,00%	0	0,00%
	Tổng	113	106	93,81%	106	100,00%	0	0,00%
XI	Huyện Vĩnh Cửu	33	30	90,91%	30	100,00%	0	0,00%
1	Thành lập phường Tân Triều trên cơ sở nhập xã Tân Bình, xã Bình Lợi, xã Thanh Phú và phường Tân Phong (thành phố Biên Hòa)							
1.1	Xã Tân Bình	47	40	85,11%	40	100,00%	0	0,00%
1.2	Xã Bình Lợi	23	21	91,30%	21	100,00%	0	0,00%
1.3	Xã Thanh Phú	29	27	93,10%	27	100,00%	0	0,00%
1.4	Phường Tân Phong	28	23	82,14%	23	100,00%	0	0,00%
	Tổng cộng	127	111	87,40%	111	100,00%	0	0,00%
2	Thành lập xã Tân An trên cơ sở nhập xã Tân An và xã Vĩnh Tân							
2.1	Xã Tân An	25	24	96,00%	24	100,00%	0	0,00%
2.2	Xã Vĩnh Tân	28	23	82,14%	23	100,00%	0	0,00%
	Tổng cộng	53	47	88,68%	47	100,00%	0	0,00%
3	Thành lập xã Trị An trên cơ sở nhập thị trấn Vĩnh An, xã Trị An, xã Mã Đà							
3.1	Xã Trị An	41	32	78,05%	32	100,00%	0	0,00%
3.2	Xã Mã Đà	23	21	91,30%	21	100,00%	0	0,00%
3.3	Xã Vĩnh An	28	26	92,86%	26	100,00%	0	0,00%
	Tổng cộng	92	79	85,87%	79	100,00%	0	0,00%

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**TỔNG HỢP KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP
VỀ SẮP XẾP, SẮP NHẬP TỈNH BÌNH PHƯỚC VÀ TỈNH ĐỒNG NAI**
(Kèm theo Báo cáo số 123/BC-UBND ngày 29/4/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai)

STT	ĐVHC cấp xã	Số lượng đại biểu HĐND			Kết quả biểu quyết trên tổng số đại biểu tham dự			
		Tổng số	Số ĐB tham dự họp	Tỷ lệ%	Số ĐB đồng ý	Tỷ lệ%	Số ĐB không đồng ý	Tỷ lệ%
<i>A</i>	<i>B</i>	(2)	(3)	(4)=3/2	5	(6)=5/2	7	(8)=7/2
	Tỉnh Đồng Nai			#DIV/0!		#DIV/0!		#DIV/0!
I	Thành phố Biên Hòa	38	35	92,11%	35	100,00%	0	0,00%
1	Phường An Bình	28	26	92,86%	26	100,00%	0	0,00%
2	Phường An Hòa	18	18	100,00%	12	66,67%	6	33,33%
3	Phường Bình Đa	41	37	90,24%	37	100,00%	0	0,00%
4	Phường Bửu Hòa	21	19	90,48%	19	100,00%	0	0,00%
5	Phường Bửu Long	22	19	86,36%	19	100,00%	0	0,00%
6	Phường Hố Nai	26	25	96,15%	25	100,00%	0	0,00%
7	Phường Hóa An	22	17	77,27%	17	100,00%	0	0,00%
8	Phường Long Bình	26	25	96,15%	25	100,00%	0	0,00%
9	Phường Long Bình Tân	26	23	88,46%	23	100,00%	0	0,00%
10	Xã Long Hưng	19	17	89,47%	17	100,00%	0	0,00%
11	Phường Hiệp Hòa	19	18	94,74%	18	100,00%	0	0,00%
12	Phường Phước Tân	27	24	88,89%		0,00%	0	0,00%
13	Phường Quang Vinh	32	32	100,00%	32	100,00%	0	0,00%

STT	ĐVHC cấp xã	Số lượng đại biểu HĐND			Kết quả biểu quyết trên tổng số đại biểu tham dự			
		Tổng số	Số ĐB tham dự họp	Tỷ lệ%	Số ĐB đồng ý	Tỷ lệ%	Số ĐB không đồng ý	Tỷ lệ%
14	Phường Tam Hiệp	24	24	100,00%	24	100,00%	0	0,00%
15	Phường Tam Phước	27	27	100,00%		0,00%	0	0,00%
16	Phường Tân Biên	26	24	92,31%	24	100,00%	0	0,00%
17	Phường Tân Hạnh	20	20	100,00%	20	100,00%	0	0,00%
18	Phường Tân Hiệp	20	19	95,00%	19	100,00%	0	0,00%
19	Phường Tân Hòa	26	26	100,00%	26	100,00%	0	0,00%
20	Phường Tân Mai	39	37	94,87%	37	100,00%	0	0,00%
21	Phường Tân Phong	28	23	82,14%	23	100,00%	0	0,00%
22	Phường Tân Vạn	22	20	90,91%	20	100,00%	0	0,00%
23	Phường Thống Nhất	23	21	91,30%	21	100,00%	0	0,00%
24	Phường Trảng Dài	26	24	92,31%	24	100,00%	0	0,00%
25	Phường Trung Dũng	52	49	94,23%	49	100,00%	0	0,00%
II	TP. Long Khánh	29	26	89,66%	26	100,00%	0	0,00%
1	Phường Xuân An	51	45	88,24%	45	100,00%	0	0,00%
2	Xã Hàng Gòn	26	23	88,46%	23	100,00%	0	0,00%
3	Phường Xuân Bình	16	14	87,50%	14	100,00%	0	0,00%
4	Phường Bảo Vinh	16	16	100,00%	16	100,00%	0	0,00%
5	Phường Bàu Sen	19	19	100,00%	19	100,00%	0	0,00%
6	Xã Bảo Quang	21	20	95,24%	20	100,00%	0	0,00%

STT	ĐVHC cấp xã	Số lượng đại biểu HĐND			Kết quả biểu quyết trên tổng số đại biểu tham dự			
		Tổng số	Số ĐB tham dự họp	Tỷ lệ%	Số ĐB đồng ý	Tỷ lệ%	Số ĐB không đồng ý	Tỷ lệ%
7	Xã Bàu Trâm	22	22	100,00%	22	100,00%	0	0,00%
8	Phường Xuân Lập	16	16	100,00%	16	100,00%	0	0,00%
9	Phường Phú Bình	17	16	94,12%	16	100,00%	0	0,00%
10	Xã Bình Lộc	23	20	86,96%	20	100,00%	0	0,00%
11	Phường Suối Tre	19	17	89,47%	17	100,00%	0	0,00%
12	Phường Xuân Hoà	16	13	81,25%	13	100,00%	0	0,00%
13	Phường Xuân Tân	18	18	100,00%	18	100,00%	0	0,00%
III	Huyện Long Thành	30	29	96,67%	29	100,00%	0	0,00%
1	Thị trấn Long Thành	28	27	96,43%	27	100,00%	0	0,00%
2	Xã An Phước	26	26	100,00%	26	100,00%	0	0,00%
3	Xã Tam An	27	22	81,48%	22	100,00%	0	0,00%
4	Xã Long Đức	21	20	95,24%	20	100,00%	0	0,00%
5	Xã Bình An	24	24	100,00%	24	100,00%	0	0,00%
6	Xã Lộc An	23	23	100,00%	23	100,00%	0	0,00%
7	Xã Long An	21	18	85,71%	18	100,00%	0	0,00%
8	Xã Bình Sơn	23	20	86,96%	20	100,00%	0	0,00%
9	Xã Long Phước	26	22	84,62%	22	100,00%	0	0,00%
10	Xã Bàu Cạn	27	25	92,59%	25	100,00%	0	0,00%
11	Xã Phước Thái	24	20	83,33%	20	100,00%	0	0,00%

STT	ĐVHC cấp xã	Số lượng đại biểu HĐND			Kết quả biểu quyết trên tổng số đại biểu tham dự			
		Tổng số	Số ĐB tham dự họp	Tỷ lệ%	Số ĐB đồng ý	Tỷ lệ%	Số ĐB không đồng ý	Tỷ lệ%
12	Xã Phước Bình	26	24	92,31%	24	100,00%	0	0,00%
13	Xã Tân Hiệp	24	23	95,83%	23	100,00%	0	0,00%
14	Xã Cẩm Đường	22	20	90,91%	20	100,00%	0	0,00%
IV	Huyện Nhơn Trạch	33	28	84,85%	28	100,00%	0	0,00%
1	TT. Hiệp Phước	28	26	92,86%	26	100,00%	0	0,00%
2	Xã Phước Thiện	28	26	92,86%	26	100,00%	0	0,00%
3	Xã Phú Hội	30	29	96,67%	29	100,00%	0	0,00%
4	Xã Long Tân	26	26	100,00%	26	100,00%	0	0,00%
5	Xã Phú Thạnh	23	23	100,00%	23	100,00%	0	0,00%
6	Xã Phú Đông	26	24	92,31%	24	100,00%	0	0,00%
7	Xã Đại Phước	22	22	100,00%	22	100,00%	0	0,00%
8	Xã Phú Hữu	27	27	100,00%	27	100,00%	0	0,00%
9	Xã Phước Khánh	25	23	92,00%	23	100,00%	0	0,00%
10	Xã Vĩnh Thanh	26	24	92,31%	24	100,00%	0	0,00%
11	Xã Phước An	25	23	92,00%	23	100,00%	0	0,00%
12	Xã Long Thọ	24	24	100,00%	24	100,00%	0	0,00%
V	Huyện Trảng Bom	32	27	84,38%	27	100,00%	0	0,00%
1	Xã Hố Nai 3	25	24	96,00%	24	100,00%	0	0,00%
2	Xã Bắc Sơn	29	26	89,66%	26	100,00%	0	0,00%

STT	ĐVHC cấp xã	Số lượng đại biểu HĐND			Kết quả biểu quyết trên tổng số đại biểu tham dự			
		Tổng số	Số ĐB tham dự họp	Tỷ lệ%	Số ĐB đồng ý	Tỷ lệ%	Số ĐB không đồng ý	Tỷ lệ%
3	Xã Bình Minh	27	25	92,59%	25	100,00%	0	0,00%
4	Xã Quảng Tiến	26	24	92,31%	24	100,00%	0	0,00%
5	Xã Giang Điền	24	22	91,67%	22	100,00%	0	0,00%
6	Xã Sông Trầu	26	23	88,46%	23	100,00%	0	0,00%
7	Thị trấn Trảng Bom	30	28	93,33%	28	100,00%	0	0,00%
8	Xã Tây Hoà	29	27	93,10%	27	100,00%	0	0,00%
9	Xã Trung Hoà	26	24	92,31%	24	100,00%	0	0,00%
10	Xã Đông Hoà	25	21	84,00%	21	100,00%	0	0,00%
11	Xã Hưng Thịnh	23	21	91,30%	21	100,00%	0	0,00%
12	Xã Thanh Bình	22	22	100,00%	22	100,00%	0	0,00%
13	Xã Cây Gáo	23	20	86,96%	20	100,00%	0	0,00%
14	Xã Sông Thao	27	23	85,19%	23	100,00%	0	0,00%
15	Xã Bàu Hàm	23	21	91,30%	21	100,00%	0	0,00%
16	Xã An Viễn	17	17	100,00%	17	100,00%	0	0,00%
17	Xã Đồi 61	29	27	93,10%	27	100,00%	0	0,00%
VI	Huyện Thống Nhất	33	28	84,85%	28	100,00%	0	0,00%
1	Xã Hưng Lộc	25	23	92,00%	23	100,00%	0	0,00%
2	Xã Bàu Hàm 2	22	22	100,00%	22	100,00%	0	0,00%
3	Xã Lộ 25	22	21	95,45%	21	100,00%	0	0,00%

STT	ĐVHC cấp xã	Số lượng đại biểu HĐND			Kết quả biểu quyết trên tổng số đại biểu tham dự			
		Tổng số	Số ĐB tham dự họp	Tỷ lệ%	Số ĐB đồng ý	Tỷ lệ%	Số ĐB không đồng ý	Tỷ lệ%
4	TT Dầu Giây	28	26	92,86%	26	100,00%	0	0,00%
5	Xã Xuân Thiện	24	22	91,67%	22	100,00%	0	0,00%
6	Xã Quang Trung	29	27	93,10%	27	100,00%	0	0,00%
7	Xã Gia Kiệm	24	24	100,00%	24	100,00%	0	0,00%
8	Xã Gia Tân 1	26	21	80,77%	21	100,00%	0	0,00%
9	Xã Gia Tân 2	23	20	86,96%	20	100,00%	0	0,00%
10	Xã Gia Tân 3	25	23	92,00%	23	100,00%	0	0,00%
VII	Huyện Xuân Lộc	33	29	87,88%	29	100,00%	0	0,00%
1	Xuân Định	18	16	88,89%	16	100,00%	0	0,00%
2	Bảo Hòa	26	24	92,31%	24	100,00%	0	0,00%
3	Xuân Phú	29	29	100,00%	29	100,00%	0	0,00%
4	Lang Minh	23	23	100,00%	23	100,00%	0	0,00%
5	Suối Cát	26	25	96,15%	25	100,00%	0	0,00%
6	Xuân Hiệp	25	25	100,00%	25	100,00%	0	0,00%

STT	ĐVHC cấp xã	Số lượng đại biểu HĐND			Kết quả biểu quyết trên tổng số đại biểu tham dự			
		Tổng số	Số ĐB tham dự họp	Tỷ lệ%	Số ĐB đồng ý	Tỷ lệ%	Số ĐB không đồng ý	Tỷ lệ%
7	Xuân Trường	27	26	96,30%	26	100,00%	0	0,00%
8	Xuân Thọ	27	25	92,59%	25	100,00%	0	0,00%
9	Gia Ray	29	27	93,10%	27	100,00%	0	0,00%
10	Xuân Hòa	27	25	92,59%	25	100,00%	0	0,00%
11	Xuân Hưng	26	26	100,00%	26	100,00%	0	0,00%
12	Xuân Tâm	25	25	100,00%	25	100,00%	0	0,00%
13	Xuân Thành	24	22	91,67%	22	100,00%	0	0,00%
14	Suối Cao	22	20	90,91%	20	100,00%	0	0,00%
15	Xuân Bắc	27	27	100,00%	27	100,00%	0	0,00%
VIII	Huyện Cẩm Mỹ	27	23	85,19%	23	100,00%	0	0,00%
1	Thị trấn Long Giao	17	15	88,24%	15	100,00%	0	0,00%
2	Xã Nhân Nghĩa	19	19	100,00%	19	100,00%	0	0,00%
3	Xã Bảo Bình	26	22	84,62%	22	100,00%	0	0,00%
4	Xã Xuân Mỹ	19	16	84,21%	16	100,00%	0	0,00%
5	Xã Xuân Quế	21	18	85,71%	18	100,00%	0	0,00%
6	Xã Sông Nhạn	22	20	90,91%	20	100,00%	0	0,00%
7	Xã Thừa Đức	19	17	89,47%	17	100,00%	0	0,00%
8	Xã Xuân Đường	17	17	100,00%	16	94,12%	1	5,88%

STT	ĐVHC cấp xã	Số lượng đại biểu HĐND			Kết quả biểu quyết trên tổng số đại biểu tham dự			
		Tổng số	Số DB tham dự họp	Tỷ lệ%	Số DB đồng ý	Tỷ lệ%	Số DB không đồng ý	Tỷ lệ%
9	Xã Lâm San	21	21	100,00%	21	100,00%	0	0,00%
10	Xã Sông Ray	26	24	92,31%	24	100,00%	0	0,00%
11	Xã Xuân Đông	23	18	78,26%	16	88,89%	2	11,11%
12	Xã Xuân Tây	29	29	100,00%	29	100,00%	0	0,00%
IX	Huyện Định Quán	32	26	81,25%	26	100,00%	0	0,00%
1	Xã Phú Hòa	16	15	93,75%	15	100,00%	0	0,00%
2	Xã Phú Tân	21	20	95,24%	20	100,00%	0	0,00%
3	Xã Phú Vinh	27	25	92,59%	25	100,00%	0	0,00%
4	Xã Phú Lợi	25	21	84,00%	21	100,00%	0	0,00%
5	Xã Gia Canh	29	27	93,10%	27	100,00%	0	0,00%
6	Thị trấn Định Quán	25	24	96,00%	24	100,00%	0	0,00%
7	Xã Ngọc Định	17	14	82,35%	14	100,00%	0	0,00%
8	Xã Thanh Sơn	29	23	79,31%	23	100,00%	0	0,00%
9	Xã Phú Ngọc	28	26	92,86%	26	100,00%	0	0,00%
10	Xã La Ngà	26	22	84,62%	22	100,00%	0	0,00%
11	Xã Suối Nho	29	27	93,10%	27	100,00%	0	0,00%
12	Xã Phú Túc	23	22	95,65%	22	100,00%	0	0,00%
13	Xã Túc Trung	28	24	85,71%	24	100,00%	0	0,00%

STT	ĐVHC cấp xã	Số lượng đại biểu HĐND			Kết quả biểu quyết trên tổng số đại biểu tham dự			
		Tổng số	Số ĐB tham dự họp	Tỷ lệ%	Số ĐB đồng ý	Tỷ lệ%	Số ĐB không đồng ý	Tỷ lệ%
14	Xã Phú Cường	26	26	100,00%	26	100,00%	0	0,00%
X	Huyện Tân Phú	31	29	93,55%	29	100,00%	0	0,00%
1	Xã Phú Lộc	23	22	95,65%	22	100,00%	0	0,00%
2	Thị trấn Tân Phú	24	23	95,83%	23	100,00%	0	0,00%
3	Xã Trà Cỏ	24	18	75,00%	18	100,00%	0	0,00%
4	Xã Phú Thanh	25	22	88,00%	22	100,00%	0	0,00%
5	Xã Phú Xuân	23	23	100,00%	23	100,00%	0	0,00%
6	Xã Phú Thịnh	21	20	95,24%	20	100,00%	0	0,00%
7	Xã Phú Lập	29	28	96,55%	28	100,00%	0	0,00%
8	Xã Tài Lài	19	17	89,47%	17	100,00%	0	0,00%
9	Xã Phú An	19	17	89,47%	17	100,00%	0	0,00%
10	Xã Nam Cát Tiên	26	26	100,00%	26	100,00%	0	0,00%
11	Xã Phú Sơn	40	38	95,00%	38	100,00%	0	0,00%
12	Xã Phú Bình	25	22	88,00%	22	100,00%	0	0,00%
13	Xã Thanh Sơn	22	22	100,00%	22	100,00%	0	0,00%
14	Xã Phú Lâm	26	24	92,31%	24	100,00%	0	0,00%
15	Xã Phú Điền	20	19	95,00%	19	100,00%	0	0,00%
16	Xã Đak Lua	21	19	90,48%	19	100,00%	0	0,00%

STT	ĐVHC cấp xã	Số lượng đại biểu HĐND			Kết quả biểu quyết trên tổng số đại biểu tham dự			
		Tổng số	Số ĐB tham dự họp	Tỷ lệ%	Số ĐB đồng ý	Tỷ lệ%	Số ĐB không đồng ý	Tỷ lệ%
XI	Huyện Vĩnh Cửu	33	30	90,91%	30	100,00%	0	0,00%
1	Xã Tân Bình	47	40	85,11%	40	100,00%	0	0,00%
2	Xã Bình Lợi	23	21	91,30%	21	100,00%	0	0,00%
3	Xã Thanh Phú	29	27	93,10%	27	100,00%	0	0,00%
4	Xã Thiện Tân	25	23	92,00%	23	100,00%	0	0,00%
5	Xã Tân An	25	24	96,00%	24	100,00%	0	0,00%
6	Xã Trị An	41	32	78,05%	32	100,00%	0	0,00%
7	Xã Mã Đà	23	21	91,30%	21	100,00%	0	0,00%
8	Xã Phú Lý	25	23	92,00%	23	100,00%	0	0,00%
9	Xã Vĩnh Tân	28	23	82,14%	23	100,00%	0	0,00%
10	Thị trấn Vĩnh An	28	26	92,86%	26	100,00%	0	0,00%